**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN**

Trụ sở chính: 10 Trần Hưng Đạo – TP Hội An – Quảng Nam

Điện thoại: (510) 391 0885 Fax: (510) 391 1099

Website: www.hoiantourism.com Email: info@hoiantourism.com

# 2016

HOI AN
TOURIST HOLDING COMPANY

# BÁO CÁO

## THƯỜNG NIÊN

# MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

19 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

39 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

55 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

63 QUẢN TRỊ CÔNG TY

77 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

HOI AN BEAC

# GIỚI THIỆU
# CÔNG TY

"Cánh chim đầu đàn" của ngành du lịch

# Quảng Nam

# Thông tin khái quát

| | |
|---|---|
| **Tên công ty:** | **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – DỊCH VỤ HỘI AN** |
| **Tên giao dịch:** | HOI AN TOURIST HOLDING COMPANY |
| **Giấy CNĐKDN:** | Số 4000102418 thay đổi lần thứ 7 ngày 23/09/2014 |
| **Vốn điều lệ:** | 80.000.000.000 VND |
| **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** | 110.391.790.934 VND |
| **Địa chỉ:** | 10 Trần Hưng Đạo – TP Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| **Số điện thoại:** | (84) 0510.3861373 – 0510.3861445 – 0510.910885 |
| **Số fax:** | (84) 0510.911099 |
| **Website:** | www.hoiantourist.com. |
| **Email:** | info@hoiantourist.com |
| **Mã cổ phiếu:** | HOT |

# Quá trình hình thành và phát triển

## Tiền thân

Tiền thân là Công ty Ăn uống Dịch vụ Hội An.

10/04/1990,Công ty Dịch Vụ - Du Lịch Hội An được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Ăn uống – Dịch vụ và Công ty Dịch vụ - Du Lịch.

## 1992 - 2006

9/10/1992, UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng ban hành quyết định thành lập doanh nghiệp nhà nước: Công ty đổi tên thành Công ty Du Lịch – Dịch Vụ Hội An và trực thuộc UBND tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng

01/10/2006, Công ty Du Lịch – Dịch Vụ Hội An, chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tên gọi được đổi thành Công ty Cổ Phần Du Lịch – Dịch Vụ Hội An.

## 2011

21/07/2011, CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An chính thức trở thành thành viên chính thức của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HOT.

## 2012

Năm đầu tiên có tỷ trọng bán hàng qua mạng tại Khách sạn Hội An tăng gần 22% so với năm 2011 và là năm Công ty đạt được nhiều giải thưởng lớn như: giải thưởng "Gold Circle Awards 2012" của Agoda, Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2012" của Tripadvisor, Hoi An Beach Resort đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam.

## 2013

Là năm Công ty tập trung công tác cải tạo nâng cấp toàn Khu Du lịch Biển nâng chất lượng cơ sở vật chất tương xứng Resort 05 sao và một số khu Khách sạn Hội An. Cũng là năm Công ty nhận được nhiều giải thưởng lớn như: Bảng Vàng Doanh nghiệp Văn Hóa - UNESCO Việt Nam do Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam đã trao tặng, "Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013" do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Báo Đầu Tư trao tặng, TripAdvisor trao giải "Khách sạn xuất sắc" năm 2013 cho 2 khách sạn Hội An Beach Resort và Hội An Hotel đều của CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

## 2014

Doanh thu XN Giặt đạt 8,88 tỷ đồng, tăng 23,64% so cùng kỳ và bằng 104,47% so kế hoạch đề ra. Đây là chi nhánh duy nhất trong toàn Công ty hoàn thành kế hoạch năm 2014, do triển khai việc điều chuyển nguồn điện năng sang nhiệt năng cho các máy móc thiết bị tại XN Giặt Hội An nhằm tiết kiệm chi phí điện và đưa vào hoạt động ổn định.

## 2015

Công ty đã thành lập chi nhánh mới: Chi nhánh Công ty cổ phần Du lịch Dịch vụ Hội An – Khách sạn ven sông Bàn Thạch và tiến hành khởi công xây dựng dự án Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh tại xã Thôn Hạ Thanh – Xã Tam Thanh – TP Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam.

## 2016

Tháng 6/2016, Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 29/10/2016, Công ty cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An vinh dự được trao giải thưởng "Thương hiệu hàng đầu - Top Brands 2016" do Viện nghiên cứu kinh tế, Trung tâm nghiên cứu Người tiêu dùng Việt Nam, tổ chức Global GTA - Vương quốc Anh phối hợp xét duyệt và trao tặng, dưới sự giám sát chất lượng của tổ chức InterConformity - Đức.

**1994-2004** Khách Sạn Hội An đạt danh hiệu "10 Khách Sạn hàng đầu của Việt Nam" do Hiệp Hội Du Lịch Việt Nam và Tổng Cục Du Lịch Việt Nam bình chọn.

**1999** Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng III.

**2004** Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng II.

**2005** Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

**2008** Giải thưởng Nhân Ái Việt Nam.

**2010** Chủ tịch nước tặng Huân Chương Lao Động Hạng I;

Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen nhiều năm liền hoàn thành nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước;

Nhiều năm liền được Thời Báo Kinh Tế Việt Nam bình chọn: Best Hotel Service in Hoi An.

**2011** Khu du lịch Biển Hội An đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam;

Khu du lịch Biển Hội An đạt giải Khách sạn chất lượng tốt của mạng Booking.com;

Khách sạn Hội An nhận giải thưởng "Gold Circle Awards 2011" của Agoda.

**2012** Khách sạn Hội An nhận giải thưởng "Golden Circle Awards 2012" – Giải thưởng vàng thường niên năm 2012 của Agoda;

Khu du lịch Biển Hội An đạt top 10 Khách sạn hàng đầu Việt Nam;

Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2012" của Tripadvisor;

Đạt 3 và 4 bông sen theo tiêu chí nhãn du lịch bền vững "Bông sen xanh".

# Các giải thưởng tiêu biểu

Top
Brands
2016

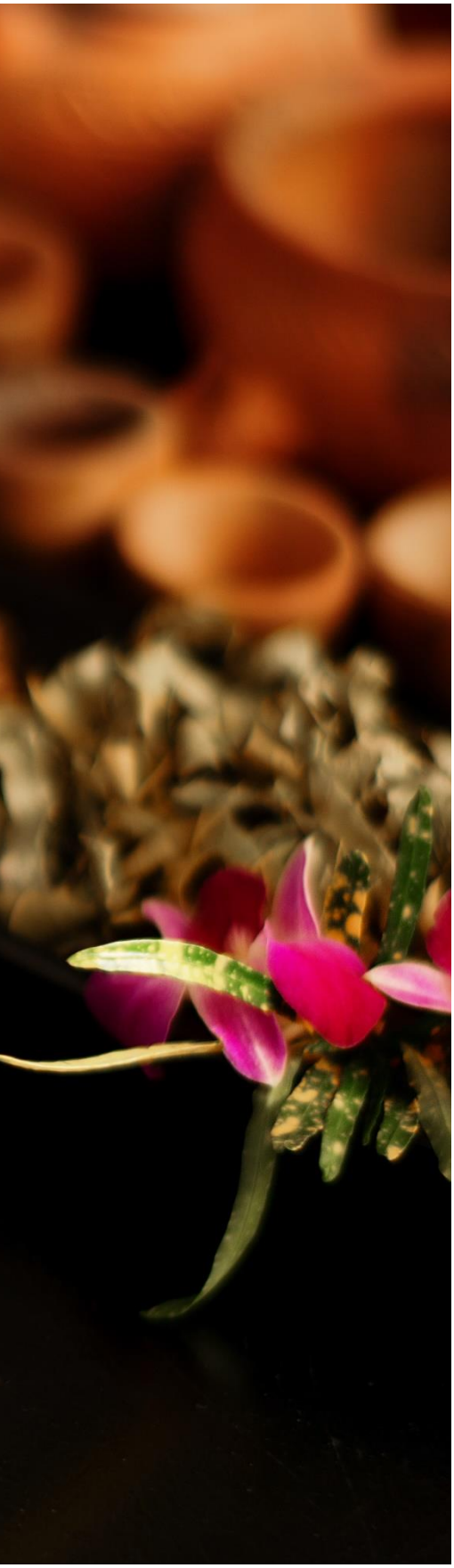

## Năm 2013

### Về chất lượng dịch vụ

- Liên Hiệp Các Hội UNESCO Việt Nam trao tặng bảng vàng "Doanh Nghiệp Văn Hóa 2013" - Đơn vị điển hình về thực hiện trách nhiệm Xã Hội & phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam;
- Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2013" của Tripadvisor;
- Đoạt giải thương hiệu uy tín năm 2013;
- Hoi An Hotel và Hoi An Beach Resort nhận giải thưởng "guest review score" của Booking.com;
- Hoi An Beach Resort được cấp chứng nhận Nhãn du lịch bền vững Bông Sen Xanh – cấp độ 4 và Hoi An hotel cũng được cấp chứng nhận này ở cấp độ 3 do Tổng Cục Du Lịch Việt Nam cấp.

### Về công tác quan hệ cổ đông

- DN niêm yết có hoạt động IR tốt trong năm 2013 do VietStock.vn khảo sát (Top 29 DN);
- "Báo cáo thường Niên tốt nhất năm 2013" do Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Báo Đầu Tư trao tặng.

## Năm 2014

- "Doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Quảng Nam lần thứ 2 năm 2014" do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam trao tặng;
- "Thương hiệu Á Đông năm 2014" do Diễn đàn truyền thông quốc tế trao tặng;
- "Gold Circle Awards 2014" của Agoda trao tặng Hội An Beach Resort.

## Năm 2015

- "Gold Circle Awards 2015" do Agoda trao tặng Hội An Hotel;
- Hoi An Hotel nhận chứng nhận "Certificate of Excellence 2015" của Expedia;
- Hoi An Beach Resort nhận giải thưởng "khi nghỉ dưỡng sang trọng của năm 2015 do tạp chí Luxury Travel Guide của nước Anh trao tặng;
- Công ty Cổ phần Du lịch- Dịch vụ Hội An được nhận giải Sao Vàng Đất Việt do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt nam trao tặng.

Hiện nay Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Khách sạn;
- Hoạt động các cơ sở thể thao. Chi tiết: Dịch vụ vui chơi, giải trí, thê thao dưới nước, dịch vụ lặn biển;
- Điều hành tour du lịch. Chi tiết: Dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương. Chi tiết: Vận tải ven biển bằng ca nô;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay, đại lý đổi ngoại tệ;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú;
- Hoạt động các câu lạc bộ thể thao. Chi tiết: Dịch vụ thể dục thẩm mỹ, thể dục thể hình;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sở hữu đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động viễn thông khác (Dịch vụ Internet);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải khách du lịch, vận tải khách theo hợp đồng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ.

## Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - ***Trung tâm Lữ hành Hội An***

Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - ***Khách sạn Hội An***

Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - ***Khu du lịch Biển Hội An***

Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An - ***Xí nghiệp giặt ủi  Hội An***

Chi nhánh CTCP Du Lịch – Dịch vụ Hội An – ***Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh***

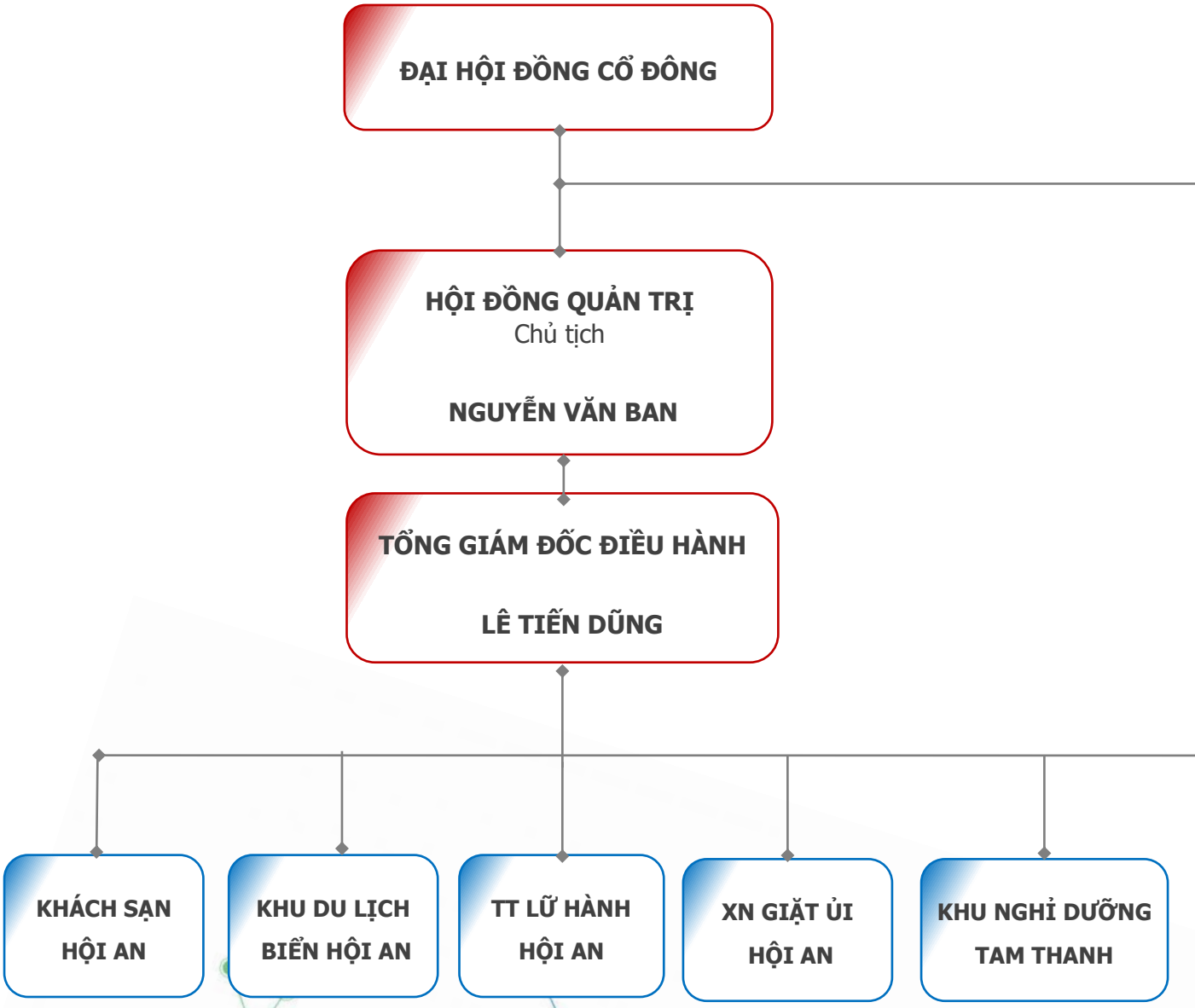
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
NGUYỄN VĂN BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
LÊ TIẾN DŨNG
KHÁCH SẠN HỘI AN
KHU DU LỊCH BIỂN HỘI AN
TT LỮ HÀNH HỘI AN
XN GIẶT ỦI HỘI AN
KHU NGHỈ DƯỠNG TAM THANH

# Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

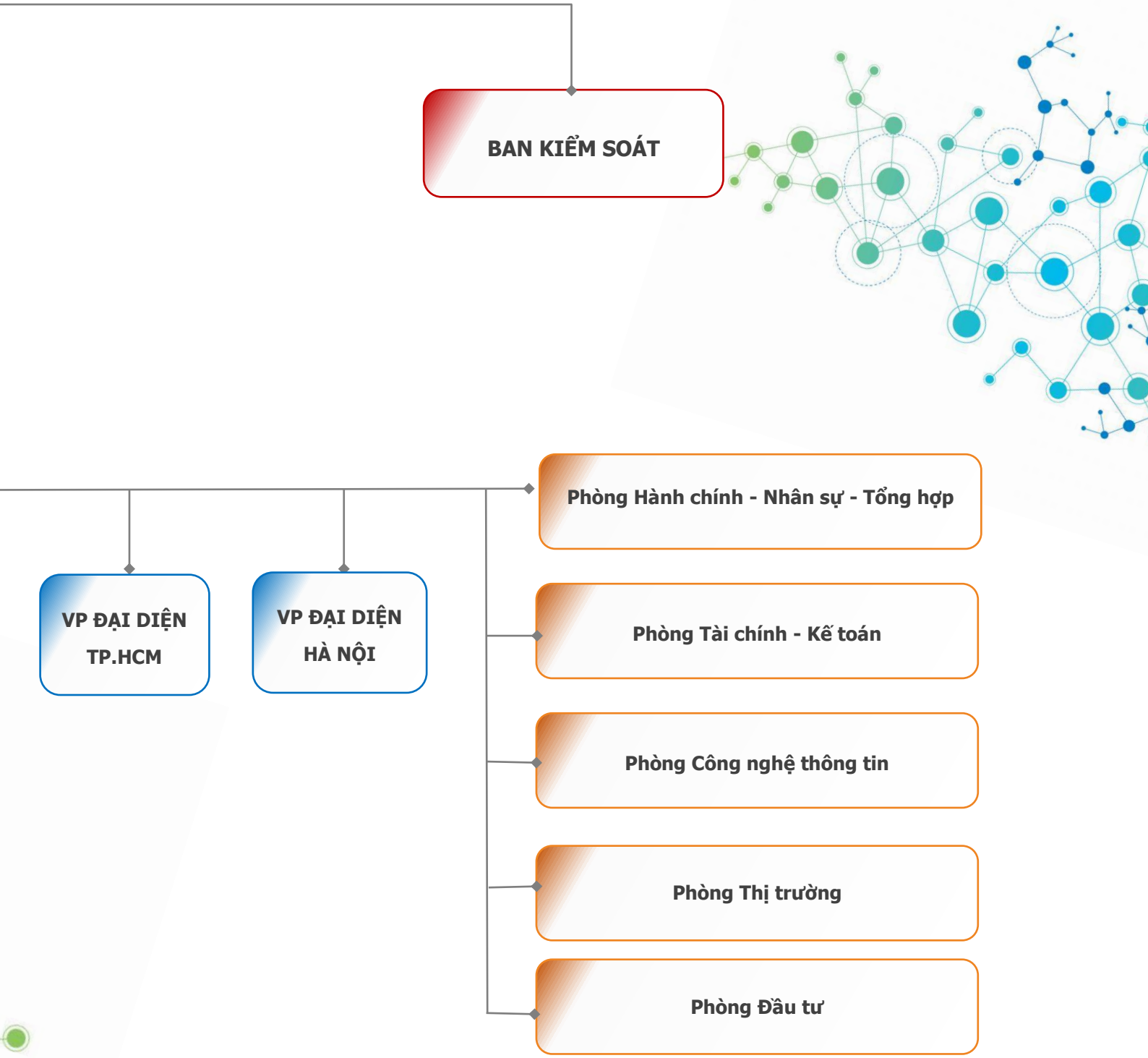

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Với mục tiêu không ngừng phát triển để xứng đáng với "Vị thế người dẫn đầu" về dịch vụ du lịch tại miền trung Việt Nam, chúng tôi còn hướng tới là người dẫn đầu về dịch vụ du lịch Việt Nam trong thời điểm đang hội nhập với thế giới. Để làm được điều đó Công ty CP Du Lịch – Dịch Vụ Hội An sẽ đầu tư và phát triển nhiều sản phẩm về Du Lịch trên khắp Việt Nam trong tương lai gần. Trong đó sẽ tập trung nhân lực và tài chính để phát triển tổng lực từ nhiều hướng kinh doanh như kinh doanh tài chính ngân hàng, đầu tư các khu vui chơi giải trí, khu du lịch sinh thái, sân golf tiêu chuẩn quốc tế và khu nghỉ dưỡng cao cấp...

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty phấn đấu trở thành một trong năm Công ty du lịch có quy mô lớn, hiệu quả cao tại miền Trung, chiếm thị phần từ 15-20% tại thị trường du lịch Quảng Nam.

## Mục tiêu cụ thể

- Về doanh thu bình quân mỗi năm tăng từ 15-18%; doanh thu dịch vụ tăng gấp đôi so với 2010; chuyển biến mạnh cơ cấu dịch vụ theo tỷ trọng lưu trú/ ăn uống/ lữ hành/ dịch vụ khách lần lượt là 52/28/13/07.
- Lợi nhuận tăng mỗi năm bình quân từ 18 – 20%.
- Về nguồn khách phấn đấu tăng từ 5 – 10% các thị trường: thị trường nguồn khách truyền thống, nguồn khách khai thác thị trường mới, tiềm năng, thị trường khách qua mạng, nguồn khách MICE, corporate, khách nội địa… đạt tỷ lệ công suất buồng phòng bình quân 70% hàng năm, giá phòng tăng bình quân hàng năm từ 5 – 10%.

# Định hướng phát triển

## Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Công ty duy trì và thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, công nhân lao động, nhất là phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật,… gắn với việc thực hiện có hiệu quả cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", "Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa", "Đảm bảo an ninh trật tự trong doanh nghiệp" … nhằm góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.
- Duy trì các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong doanh nghiệp nhằm từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động. Tham gia có hiệu quả các phong trào văn hóa, các hoạt động thể thao do Thành phố, Tỉnh tổ chức.
- Đi đôi với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty không ngừng chú trọng đến việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp và xem đây là một tài sản vô giá của Công ty trong quá trình xây dựng và phát triển bền vững thông qua các hoạt động như phong trào "Đơn vị có đời sống văn hóa tốt", phong trào "Xanh, sạch, đẹp" và "Vì môi trường xanh quốc gia – 2015" để góp phần giữ gìn môi trường du lịch lành mạnh.
- Tiếp tục duy trì phong trào phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc con cựu Thanh niên xung phong nhiễm chất độc da cam; hưởng ứng và tham gia đầy đủ các Quỹ do chính quyền và đoàn thể các cấp phát động; tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

# Các rủi ro

## Rủi ro kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, kết quả đạt được đã phần nào thể hiện được sự nỗ lực của cả nước để đứng vững trước tình hình kinh tế bất ổn. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên theo dõi và cập nhật diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và có những biện pháp ứng phó kịp thời với các rủi ro do tác động từ nền kinh tế.

## Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh phần lớn vì Công ty không dùng ngoại tệ để hạch toán sổ sách kế toán. Tại thời điểm thanh toán, Công ty tiến hành thu và quy đổi theo tỷ giá hạch toán USD/VND, cuối ngày kế toán thanh toán kết sổ và nộp toàn bộ số ngoại tệ vào ngân hàng theo tỷ giá thực tế. Do đó, chênh lệch tỷ giá được theo dõi và điều chỉnh hàng ngày giúp Công ty hạn chế rủi ro phát sinh. Vì vậy, Công ty nên theo dõi chênh lệch tỷ giá và điều chỉnh hàng ngày giúp Công ty hạn chế rủi ro phát sinh.

## Rủi ro thị trường

Với môi trường hòa nhập hiện nay thì Công ty phải chịu sự canh tranh trực tiếp từ các đối thủ có vốn nước ngoài rất mạnh các khu vực lân cận. Hiện nay với sự xuất hiện nhiều loại hình du lịch ở Đà Nẵng, khách có xu hướng tham quan Hội An ngày ít hơn, điều này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy Công ty cần phải nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp, đẩy mạnh tiếp thị và mở rộng những thị trường tiềm năng.

## Rủi ro pháp luật

Là doanh nghiệp cổ phần nên Công ty chịu sự ảnh hưởng từ Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra khi đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty phải tuân theo Luật Chứng khoán, các văn bản pháp lý liên quan. Công ty nên theo dõi các thay đổi trong quy định của pháp luật liên quan để định hướng kinh doanh sao cho phù hợp.

## Rủi ro khác

Ngoài những nhân tố rủi ro trên, còn có một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh… trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của công ty.

## Rủi ro lãi suất

Phần lớn rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản tiền gửi, các khoản vay có kỳ hạn với lãi suất thả nổi. Để quản lý rủi ro này, Công ty cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra các quyết định hợp lý đối với việc chọn thời điểm và kỳ hạn vay thích hợp, phù hợp cơ cấu ngành để đạt các lãi suất thả nổi và cố định tối ưu nhất.

HỘI AN
TOURIST HOLDING COMPANY

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

| CHỈ TIÊU | THỰC HIỆN 2015 | KẾ HOẠCH ĐHĐCĐ (Chỉ tính KH 8 tháng Bàn Thạch) | THỰC HIỆN 2016 | SO SÁNH | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | SO KH ĐHĐCĐ | SO TH 2015 |
| **DOANH THU** | **169.576.148.165** | **188.545.823.000** | **180.564.165.920** | **95,77** | **106,48** |
| KSHA | 69.780.892.488 | 69.826.000.000 | 72.802.292.569 | 104,26 | 104,33 |
| Khu Du lịch Biển | 57.268.901.115 | 70.551.000.000 | 63.908.059.587 | 90,58 | 111,59 |
| TTLH | 30.144.094.281 | 32.046.822.000 | 28.914.341.209 | 90,23 | 95,92 |
| Xí nghiệp Giặt | 8.879.900.000 | 9.717.000.000 | 8.659.375.601 | 89,12 | 97,52 |
| | **166.073.787.884** | **182.140.822.000** | **174.284.068.966** | **95,69** | **104,94** |
| KS Bàn Thạch | 3.502.360.281 | 6.405.001.000 | 4.399.796.366 | 68,69 | 125,62 |
| Khu DL Tam Thanh | - | - | 1.880.300.588 | - | - |
| **Hai Chi nhánh mới** | **3.502.360.281** | **6.405.001.000** | **6.280.096.954** | - | - |
| **CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG** | **112.766.863.945** | **119.846.197.354** | **123.492.337.007** | **103,04** | **109,51** |
| Khách sạn Hội an | 42.185.317.206 | 41.316.000.000 | 43.098.008.440 | 104,31 | 102,16 |
| Khu Du lịch Biển | 35.495.462.632 | 39.083.000.000 | 41.598.329.396 | 106,44 | 117,19 |
| TTLH | 24.783.819.620 | 25.946.195.354 | 24.031.938.144 | 92,62 | 96,97 |
| Xí nghiệp Giặt | 6.064.614.843 | 6.369.500.000 | 6.088.990.544 | 95,60 | 100,40 |
| | **108.529.214.301** | **112.714.695.354** | **114.817.266.524** | **101,87** | **105,79** |
| KS Bàn Thạch | 4.237.649.644 | 7.131.502.000 | 6.019.702.413 | 84,41 | 142,05 |
| Khu DL Tam Thanh | - | - | 2.655.368.070 | - | - |
| Hai chi nhánh mới | **4.237.649.644** | **7.131.502.000** | **8.675.070.483** | - | - |
| **LÃI HOẠT ĐỘNG** | **56.809.284.220** | **68.699.625.646** | **57.071.828.913** | **83,07** | **100,46** |
| Khách sạn Hội an | 27.595.575.282 | 28.510.000.000 | 29.704.284.129 | 104,19 | 107,64 |
| Khu Du lịch Biển | 21.773.438.483 | 31.468.000.000 | 22.309.730.191 | 70,90 | 102,46 |
| TTLH | 5.360.274.661 | 6.100.626.646 | 4.882.403.065 | 80,03 | 91,08 |
| Xí nghiệp Giặt | 2.815.285.157 | 3.347.500.000 | 2.570.385.057 | 76,79 | 91,30 |
| | **57.544.573.583** | **69.426.126.646** | **59.466.802.442** | **85,65** | **103,34** |
| Khách sạn Bàn Thạch | (735.289.363) | (726.501.000) | (1.619.906.047) | 222,97 | 220,31 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Khu DL Tam Thanh | - | - | -775.067.482 | | - |
| **Hai Chi nhánh mới** | **-735.289.363** | **-726.501.000** | **-2.394.973.529** | - | - |
| **CHI PHÍ SAU LÃI HĐ** | **19.468.120.022** | **23.098.980.220** | **20.446.724.794** | **88,52** | **105,03** |
| Thuê đất , thuê mb | 3.366.611.482 | 3.382.800.000 | 2.691.317.163 | 79,56 | 79,94 |
| SCL | 828.901.333 | 2.706.180.220 | 1.215.712.842 | 44,92 | 146,67 |
| Chi phí quản lý | 14.896.607.207 | 17.010.000.000 | 16.539.694.789 | 97,24 | 111,03 |
| Lương (DP+CG) | 376.000.000 | - | - | - | - |
| **Lãi trước KH và Lãi vay** | **37.341.164.198** | **45.600.645.426** | **36.625.104.119** | **80,32** | **98,08** |
| **Chi phí kh và PBDH** | **24.720.586.962** | **26.062.000.000** | **22.700.391.684** | **87,10** | **91,83** |
| **Trong đó: CN mới** | **-** | **176.000.000** | **409.746.149** | - | - |
| **THU NHẬP TÀI CHÍNH** | **(1.048.875.036)** | **(1.560.000.000)** | **(626.551.261)** | **40,16** | **59,74** |
| Doanh thu | 199.400.817 | - | 77.563.793 | - | - |
| Chi phí lãi vay | 1.248.275.853 | - | 704.115.054 | - | - |
| Trong đó: Lãi vay NH | - | - | 634.227.044 | - | - |
| **THU NHẬP KHÁC** | **783.323.655** | **500.000.000** | **139.917.240** | **27,98** | **17,86** |
| **LÃI TRƯỚC THUẾ** | **12.355.025.855** | **18.478.645.426** | **13.438.078.414** | **72,72** | **108,77** |
| **Trong đó: Lỗ từ hai CN mới** | **(735.289.363)** | **(902.501.000)** | **(2.804.719.678)** | **-** | **-** |
| **Loại trừ lỗ từ 02 CN mới** | **13.090.315.218** | **19.381.146.426** | **16.242.798.092** | **-** | **124,08** |

Khách sạn Hội an là Chi nhánh duy nhất hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính của năm 2016. Doanh thu năm 2016 đạt 72 tỷ 802, tăng 4% so cùng kỳ và vượt 4% so kế hoạch được giao. Chi phí hoạt động được kiểm soát và tăng cường tiết kiệm. Chi phí trừ dần công cụ dụng cụ tại Chi nhánh đã bắt đầu giảm nên hiệu quả kinh doanh tăng trưởng khá tốt, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt xấp xỉ kế hoạch giao.

Doanh thu 2016 của Khu du lịch Biển đạt 63 tỷ 908, tăng 11,6% so năm 2015, nhưng chỉ đạt 90,6% kế hoạch được giao. Các chỉ tiêu đón khách và công suất sử dụng phòng thực hiện trong năm 2016 đều tăng so năm trước, tuy nhiên, chỉ tiêu giá bán phòng bình quân giảm so kế hoạch đề ra và giảm hơn so năm 2015. Các chương trình khuyến mãi, các dịch vụ miễn phí cho du khách được các chi nhánh áp dụng nhằm bù đắp việc mất bãi biển, cơ sở vật chất xuống cấp… Do thị phần khách đến từ các hãng lữ hành giảm mạnh nên Phòng thị trường và Chi nhánh tập trung khai thác thị phần khách qua mạng, đây cũng là nguyên nhân làm cho chi phí hoa hồng, chi phí thanh toán thẻ… tăng mạnh so với năm trước. Tất cả các nguyên nhân trên đã làm cho chỉ tiêu lợi nhuận hoạt động của Chi nhánh chỉ tăng 2,5% so cùng kỳ và chỉ đạt 71% so kế hoạch.

Trung tâm lữ hành và Xí nghiệp Giặt đều không đạt kế hoạch, và hoạt động kém hiệu quả hơn so cùng kỳ do mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt nên việc nâng giá bán dịch vụ hoàn toàn không thực hiện được trong khi chi phí đầu vào tăng. Mặt khác, cùng với chủ trương của HĐQT về cổ phần hoá Trung tâm lữ hành và điều chuyển ngành nghề kinh doanh tại Xí nghiệp Giặt nên HĐQT đã không đầu tư lớn cho hai Chi nhánh này trong năm 2016 càng làm cho chi nhánh khó khăn hơn trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh.

# Ban điều hành Công ty

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 01 | Lê Tiến Dũng | Tổng giám đốc |
| 02 | Nguyễn Văn Cư | Phó Tổng giám đốc |
| 03 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng |

**Những thay đổi trong Ban điều hành:** Không

**Ông LÊ TIẾN DŨNG**

Tổng giám đốc

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán.

Chứng chỉ đào tạo Giám đốc điều hành

Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.

Quá trình công tác:

- *1986-2005:* Kế toán trưởng Công ty Ăn uống Dịch vụ Hội An.
- *2005 - 1/3/2009:* Phó Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- *1/3/2009 – 11/4/2009:* Quyền Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- *11/4/2009 – Nay:* Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

**Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LAN**

Phó Tổng giám đốc

(kiêm Kế toán trưởng)

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Chuyên ngành Tài chính – Tín dụng

Chứng chỉ đào tạo Giám đốc điều hành

Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.

Quá trình công tác:

- *2000-2004: Nhân viên kế toán CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.*
- *2004-2005: Phó phòng kế toán CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.*
- *2005 - Nay: Kế toán trưởng CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán công ty.*

**Ông NGUYỄN VĂN CƯ**

Phó Tổng giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Chứng chỉ sau đại học do chương trình giảng dạy kinh tế FULBRIGHT.

Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.

Quá trình công tác:

- *1993 – Nay:* Công tác tại CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An.

# Tình hình nhân sự

| STT | Tính chất phân loại | Số lượng *(người)* | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| **A** | **Theo trình độ** | **541** | **100,00%** |
| 01 | Trên đại học | 2 | 0,37% |
| 02 | Đại học, cao đẳng | 97 | 17,93% |
| 03 | Trình độ trung cấp | 325 | 60,07% |
| 04 | Công nhân kỹ thuật | 28 | 5,18% |
| 05 | Lao động phổ thông | 89 | 16,45% |
| **B** | **Theo tính chất hợp đồng lao động** | 541 | **100,00%** |
| 01 | Hợp đồng không thời hạn | 147 | 27,17% |
| 02 | Hợp đồng thời vụ | 89 | 16,45% |
| 03 | Hợp đồng xác định từ 1 – 3 năm | 305 | 56,38% |
| **C** | **Theo giới tính** | | |
| 01 | Nam | 266 | 49,17% |
| 02 | Nữ | 275 | 50,83% |

**THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)**

| TT | Năm | Tổng số lượng người lao động (người) | Mức lương bình quân (triệu đồng/ người /tháng) |
|---|---|---|---|
| 1 | 2014 | 531 | 5.025.000 |
| 2 | 2015 | 612 | 5.200.000 |
| 3 | 2016 | 541 | 5.300.000 |

## Theo trình độ

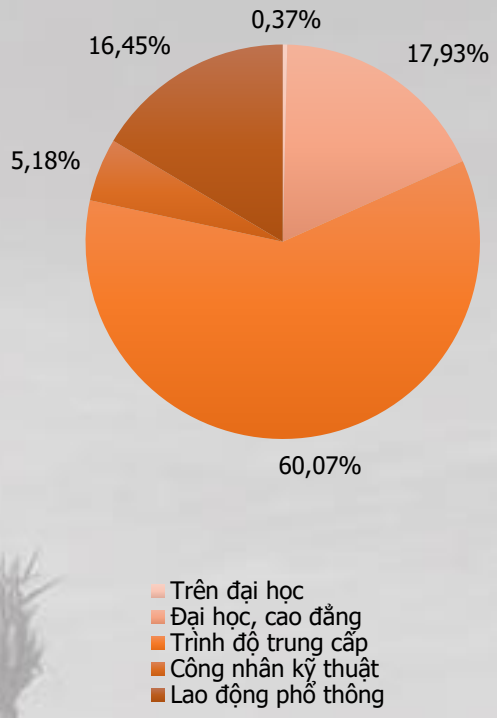


## Theo tính chất hợp đồng lao động

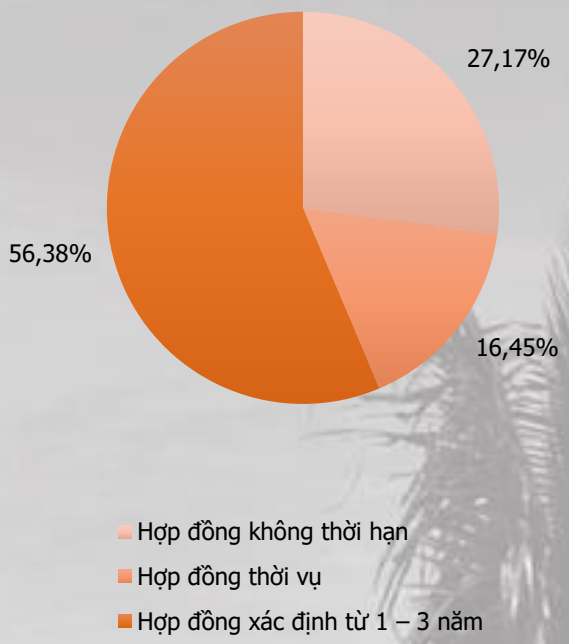


## Theo giới tính

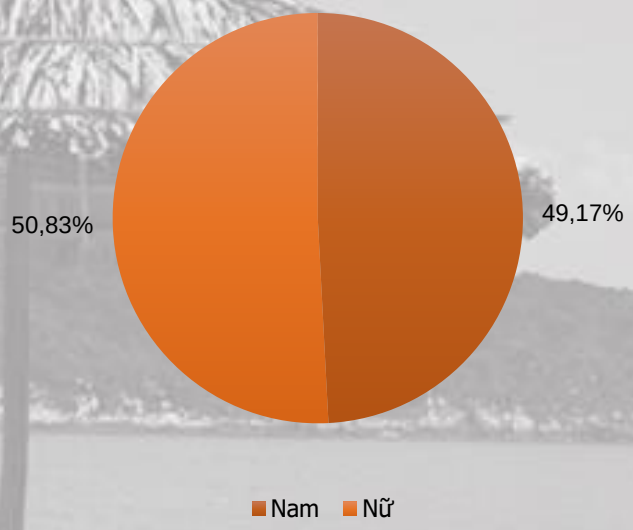


Năm 2016, Công ty đã trình Hội đồng quản trị phê duyệt và đăng ký áp dụng Hệ thống thang bảng lương mới thay cho Hệ thống thang bảng lương cho DN Nhà nước theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội nhằm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi lâu dài của người lao động.

Các chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tại nạn 24/24 đối với người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ; các chế độ, chính sách khác thực hiện đảm bảo đúng pháp luật và Thoả ước lao động tập thể.

Công tác đào tạo qua nhiều năm vẫn chưa được chú trọng và chưa hiệu quả, nhất là đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung, cấp cao. Công ty chưa chú trọng đến việc xây dựng và triển khai các phương án đào tạo nhân sự dự nguồn nên thực tế còn nhiều lúng túng trong công tác bổ nhiệm, đề bạt hay tuyển dụng các vị trí quản lý chủ chốt cho các dự án mới.

# Tình hình thực hiện các dự án

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo phòng đầu tư phối hợp cùng các Chi nhánh triển khai kịp thời các hạng mục sửa chữa, nâng cấp tài sản, cũng như mua sắm mới tài sản, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh. Tổng kinh phí đầu tư mua sắm và sửa chữa, nâng cấp tài sản trong năm qua là: 4 tỷ 463, đạt 71% kế hoạch phê duyệt. Cụ thể:

Về công tác mua sắm tài sản cố định: Đã mua cho Trung tâm Lữ hành Hội An 02 ca nô cao tốc để phục vụ tour Cù Lao Chàm, lắp đặt hệ thống camera cho Nhà hàng làng rau Trà Quế.

***Về công tác nâng cấp, cải tạo:***

- Sơn vôi và phun PU khu 2 tầng khách sạn Hội An.
- Nâng cấp khu Du lịch Bãi Bắc CLC sau khi có điện.
- Tạo lối đi cho Nhà hàng Trà Quế.
- Cải tạo mái che sảnh nhà hàng tầng 2 và sảnh sau lễ tân Khu Du lịch Biển.

***Về đầu tư Dự án Tam Thanh:***

Đẩy nhanh tiến độ, tăng cường giám sát và đưa dự án vào hoạt động từ tháng 6/2016. Tiếp tục phối hợp cùng các bên thi công khắc phục các lỗi kỹ thuật phát sinh trong quá trình vận hành dự án, tiếp tục mua sắm các trang thiết bị đảm bảo hoạt động kinh doanh của dự án. Đến tháng 9/2016, Công ty đã tiến hành nghiệm thu tổng thể và quyết toán toàn bộ các hạng mục, tiến hành kiểm toán tổng giá trị dự án. Tổng giá trị tài sản đã kết chuyển là:

Giá trị tài sản cố định: 23.617.437.872 đồng

Giá trị công cụ dụng cụ: 3.391.151.969 đồng

# Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|
| Tổng tài sản | | 145.647.774.243 | 146.934.794.820 |
| Doanh thu thuần | | 164.592.137.326 | 175.170.781.593 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 11.571.704.650 | 13.186.249.878 |
| Lợi nhuận khác | Đồng | 783.321.205 | 251.828.536 |
| Lợi nhuận trước thuế | | 12.355.025.855 | 13.438.078.414 |
| Lợi nhuận sau thuế | | 9.452.969.640 | 10.613.708.897 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | | 1.181 | 1.167 |
| Tỷ lệ cổ tức | % | 11 | 12 |

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|---|---|---|---|
| **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán** | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,48 | 0,68 | 0,71 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,39 | 0,59 | 0,59 |
| **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn** | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 28,36 | 24,70 | 24,87 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 39,59 | 32,81 | 33,10 |
| **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động** | | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 50,24 | 37,43 | 38,65 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,11 | 1,10 | 1,20 |
| **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời** | | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 11,48 | 5,74 | 6,06 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 17,07 | 8,58 | 9,66 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 12,71 | 6,30 | 7,26 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 14,66 | 7,03 | 7,53 |

Ngọn cờ đầu của ngành

*"Công nghiệp không khói"*

ở Quảng Nam

117

# Cơ cấu cổ đông

**Cổ phần**

Tổng số cổ phần phát hành: 8.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 7.999.937 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 63 cổ phần

Loại cổ phần : cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

## Biểu đồ cơ cấu cổ đông năm 2016

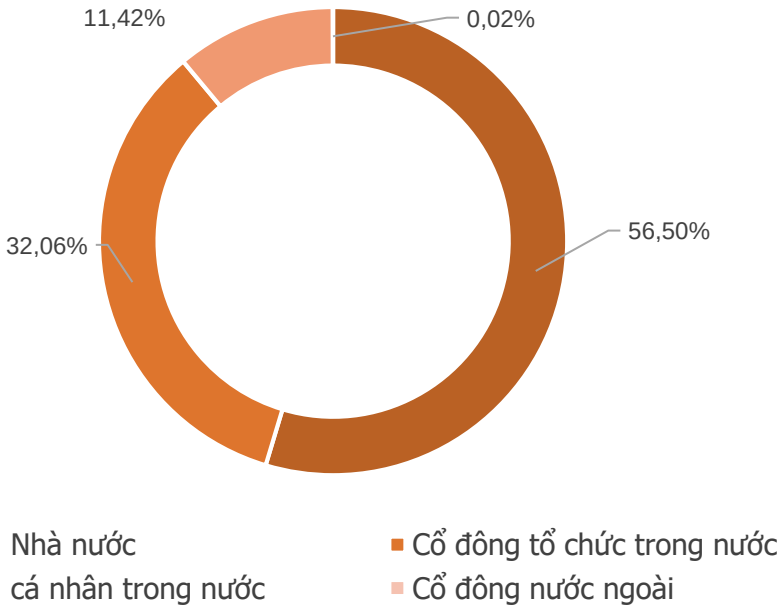

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN**

| STT | Tên Cổ đông lớn | Số lượng cổ phần đang nắm giữ | Tỷ lệ |
|---|---|---|---|
| 01 | VP Tỉnh ủy Quảng Nam<br>Do ông Nguyễn Văn Ban là người đại diện phần vốn | 4.520.238 | 56,5 |
| 02 | CTCP Tập đoàn đầu tư tài chính IPA<br>Do ông Vũ Hiền là người đại diện phần vốn | 1.359.475 | 16,99 |
| 03 | CTCP Chứng khoán VN Direct<br>Do ông Lê Huy Khang là người đại diện phần vốn | 964.481 | 12,06 |
| | **Tổng cộng** | **6.844.194** | **85,55** |

# Báo cáo phát triển bền vững

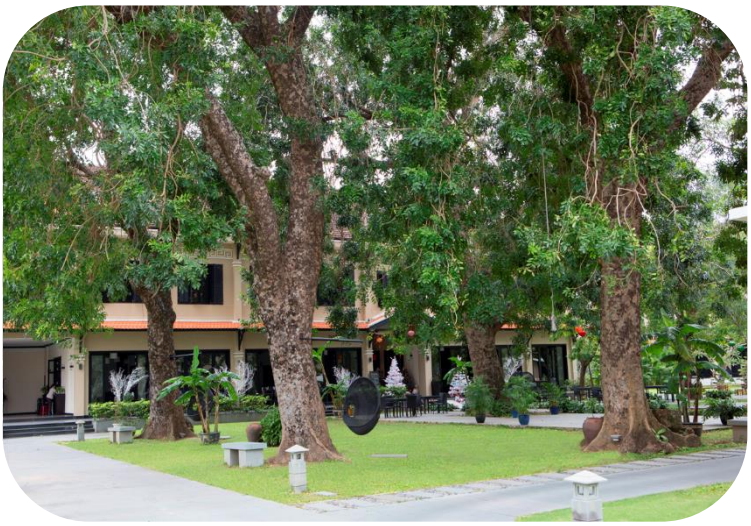

Bảo vệ môi trường là vấn đề mà Công ty luôn quan tâm, vì vậy trong suốt quá trình hoạt động, Công ty cùng các Chi nhánh luôn thực hiện nghiêm túc các vấn đề liên quan đến công tác này. 2 Chi nhánh của Công ty là Khách sạn Hội An và Khu du lịch Biển Hội An đã đạt được nhiều thành tích đáng kể do Chính quyền địa phương và các tổ chức du lịch quốc tế trao tặng. Công tác bảo vệ môi trường được thực hiện thông qua những việc như:

- Chú trọng công tác tiết kiệm điện, nước thông qua việc mua sắm, thay thế và đầu tư trang thiết bị mới có chức năng tiết kiệm cho các Chi nhánh như
  - Lắp đặt đèn compat và sử dụng đèn chiếu sáng T8 để thắp sáng trong phòng và các khu vực;
  - Lắp đặt khóa Salto cắt điện tự động trong phòng khách;
  - Lắp đặt thiết bị vệ sinh ít tiêu hao nước;
  - Từng bước thay thế tủ lạnh đặt phòng ít tiêu hao điện năng…
- Thực hiện quán triệt người lao động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện các chủ trương như:
  - Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để khắc phục hiện tượng rò rỉ điện;
  - Điều chỉnh nhiệt độ điều hòa ở mức $25^0$C và cài đặt mặc định bình nước nóng ở vị trí E (trung bình);
  - Sử dụng các túi dễ phân hủy để thu rác trong phòng khách;
  - Sử dụng giỏ mây đựng quần áo giặt là cho khách sử dụng;
  - Sử dụng chai lớn để đựng mỹ phẩm, dầu gội đầu, xà phòng… nhằm hạn chế thải ra môi trường và giảm chi phí;
  - Sử dụng giấy in 2 mặt;
  - Tận dụng tối đa hàng vải thanh lý để sử dụng cho công việc vệ sinh, bao bì chứa khác…
- Khuyến khích khách lưu trú tham gia thực hiện công tác bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng các tờ rơi kêu gọi khách hàng tham gia bảo vệ môi trường đối với việc thay khăn và tấm trải giường…
- Khách sạn Hội An đã đầu tư xây dựng hệ thống nước thải công suất 40m3/ngày bằng phương pháp " Xử lý sinh học bùn hoạt tính hiếu khí – Bể Aeroten" và tiến hành việc quan trắc định kỳ 2 lần/năm theo đúng quy định. Chất lượng nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn B (QCVN).
- Ngoài ra, Khách sạn còn ký hợp đồng hàng năm với Công ty TNHH MTV Công trình công cộng Hội An để thu gom và đưa đi xử lý toàn bộ chất thải rắn. Quy trình thu gom được thực hiện đúng yêu cầu: chất thải phát sinh được thu gom phân thành 2 loại gồm chất dễ phân hủy và khó phân hủy rồi tập trung về các hố rác trước khi Công ty môi trường đưa đi xử lý. Một số loại rác thải còn giá trị thì tái sử dụng hoặc tái chế để bán cho các đơn vị thu gom nhằm tránh lãng phí nguồn nguyên vật liệu. Các chất thải nguy hại sau khi thu gom được lưu giữ trong nhà kho chứa chất thải nguy hại riêng đặt ở các vị trí cố định như: Dầu nhớt được đựng trong can không để rò rỉ ra ngoài; dẻ lau được đựng trong bao bì; các loại bóng đèn được đựng trong ngăn lưu giữ tại kho. Định kỳ, lượng rác thải nguy hại này sẽ được Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Quảng Nam thu gom và đưa đi xử lý theo quy định hiện hành.

## Chính sách lao động

### Về tuyển dụng

Công ty luôn đề cao năng lực của mỗi nhân viên và chào đón các ứng viên muốn gắn bó lâu dài với Công ty, có phong cách làm việc chuyên nghiệp và năng động. Để thu hút nhân tài, Công ty có chính sách lương, thưởng rõ ràng và đặc biệt đối với các nhân viên xuất sắc, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đang phụ trách. Mặt khác, tạo nên sự gắn kết lâu dài đối với nhân viên, tạo được sức hút nguồn nhân lực giỏi từ mọi nơi về làm việc tại Công ty.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Năm 2015, thay vì áp dụng đơn giá tiền lương theo doanh thu như các năm cho cán bộ nhân viên các Chi nhánh, Công ty đã áp dụng phân chia quỹ tiền lương cho người lao động thành 2 nguồn: Quỹ lương cố định và Quỹ lương theo đơn giá. Chính sách này góp phần làm ổn định thu nhập người lao động trong những tháng thấp điểm vi ngành Du lịch thường có mùa rõ rêt, vào những tháng thấp điểm, doanh thu thấp, nếu áp dụng chính sách lương như cũ, thu nhập người lao động sẽ không được đảm bảo. Đồng thời việc áp dụng chính sách lương mới cũng giúp làm giảm áp lực cho Giám đốc điều hành các Chi nhánh và phù hợp với thị trường lao động trên địa bàn.

Đối với chế độ đãi ngộ, Công ty luôn thực hiện tốt các chính sách về BHXH, BHYT, BHTN cho người **lao** động. Ngoài ra, Công ty còn thực hiện chính sách khác như: Trang bị đồng phục nhân viên, phụ cấp các ngày lễ Tết, chi phí cơm ca, giặt đồng phục nhân viên, tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch, hỗ trợ ma chay, hiếu hỷ, chi bồi dưỡng cho nữ công nhân sau sinh, ngoài chế độ BHXH của Nhà nước, chi hỗ trợ người lao động khó khăn…

### Về môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tối đa trong việc tao ra một môi trường làm việc hiện đại, công bằng giữa các cá nhân; năng động, thân thiện và tôn trọng giữa người lao động với người lao động, giữa lãnh đạo với nhân viên. Tât cả nhân viên làm việc tại Công ty cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An đều có cơ hôi được phát huy tối đa khả năng sáng tạo và vốn kiến thức hiểu biết. Những đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ luôn được ghi nhận và đánh giá kịp thời. Ngoài ra trong năm, Công ty cũng đã tổ chức nâng cấp, cải tạo các khu vệ sinh công cộng dành cho nhân viên, tạo thêm một khu tủ để đồ cho các nhân viên Xí nghiệp Giặt Hội An góp phần làm tăng sự thuận tiện trong

### Về đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Trong năm 2015, Công ty đã cử 01 cán bộ tham gia khóa đào tạo quản lý khách sạn-nhà hàng; thực hiện đào tạo kỹ năng nghề cho 77 nhân viên của Chi nhánh mới; cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ kế toán, nhân sự, đầu tư xây dựng cơ bản; bồi dưỡng kiến thức về công tác an toàn vệ sinh lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm; tập huấn cách giao tiếp ứng xử với khách nước ngoài cho bộ phận lái xe, điều hành tour; đồng thời bồi dưỡng kiến thức về tiết kiệm năng lượng; hướng dân sử dụng phần mềm quản lý mới. Ngoài việc Công ty tổ chức đào tạo, các Chi nhánh đã tập trung đào tạo lại quy trình nghiệp vụ của ngành nghề khách sạn, lữ hành.

## Trách nhiệm đến môi trường và xã hội

### Về công tác môi trường

Công ty luôn đặt mục tiêu kinh doanh kết hợp với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội, cộng đồng. Do đó, trong năm Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương như hưởng ứng hoạt động tắt điện 1 giờ trái đất hàng năm; cử cán bộ tham gia nhiều hội thảo bảo vệ môi trường do địa phương, Sở VH TT&DL Quảng Nam và Tổng Cục du lịch tổ chức, tham gia chương trình "Dự án Tư vấn Quản lý môi trường Phát triển công nghiệp xanh" do UBND Thành phố Hội An phối hợp với tổ chức Green Industry tổ chức.

Bên cạnh đó, Khách sạn Hội An cũng đã đóng góp một phần nhỏ về kinh phí, vật tư như: ủng hộ cây xanh, phân phát túi dễ phân hủy cho người dân địa phương nhân ngày Thành phố phát động.

### Về công tác xã hội, từ thiện

Thực hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", trong hơn 20 năm qua, Công ty luôn quan tâm đến công tác xã hội và từ thiện. Công ty tiếp tục nhận phụng dưỡng 4 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng, đỡ đầu con cựu thanh niên xung phong nhiễm chất độc màu da cam, hỗ trợ các chương trình khuyến học trên địa bàn Thành phố, khen thưởng các cháu là con của người lao động đỗ Đại học, Cao đẳng. Bên cạnh đó, Công ty còn kêu gọi sự ủng hộ từ toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty tích cực tham gia các Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ Bảo trợ trẻ em, Quỹ Nạn nhân chất độc màu da cam, Quỹ Vì người ngèo, Quỹ Người già cô đơn, Chương trình "Nghĩa tình Hoàng Sa – Trường Sa", hỗ trợ đồng bào khó khăn trong dịp Tết Nguyên Đán, hỗ trợ người lao động bị bệnh hiểm nghèo…

INDOCHINE

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

# *Kết quả hoạt động kinh doanh*

*(Theo Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán)*

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | 2016/2015 |
|---|---|---|---|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 164.592.137.326 | 175.170.781.593 | 106,43% |
| **Giá vốn hàng bán** | 128.679.492.912 | 133.443.905.594 | 103,70% |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 35.912.644.414 | 41.726.875.999 | 116,19% |
| **Doanh thu hoạt động tài chính** | 201.643.693 | 77.563.793 | 38,47% |
| **Chi phí tài chính** | 1.248.099.927 | 704.115.054 | 56,41% |
| **Trong đó: Chi phí lãi vay** | 1.190.871.252 | 634.227.044 | 53,26% |
| **Chi phí bán hàng** | 8.627.939.357 | 10.225.218.864 | 118,51% |
| **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | 14.666.544.173 | 17.688.855.996 | 120,61% |
| Lợi nhuận thuần từ *HĐKD* | 11.571.704.650 | 13.186.249.878 | 113,95% |
| **Lợi nhuận khác** | 783.321.205 | 251.828.536 | 32,15% |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 12.355.025.855 | 13.438.078.414 | 108,77% |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.452.969.640 | 10.613.708.897 | 112,28% |
| **Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)** | 1.099 | 1.167 | 106,19% |

Về tổng quan, năm 2016 thực sự là năm kinh doanh có khả quan của Công ty Cổ phần Dịch vụ - Du lịch Hội An, các chỉ tiêu lợi nhuận đều đạt cao hơn so với năm trước đó. Theo nguyên nhân khách quan thì trong năm 2016 Việt Nam lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 2 mốc kỷ lục từ trước đến nay: tổng số khách nhiều nhất trong một năm (10 triệu lượt khách) và mức tăng tuyệt đối trong một năm nhiều nhất so với cùng kỳ năm trước (trên 2 triệu lượt khách so với năm 2015). Ngành du lịch cũng đã phục vụ 62 triệu lượt khách nội địa, đây là kết quả ấn tượng trong lịch sử phát triển của ngành.

Năm 2016, Công ty triển khai kế hoạch kinh doanh trong điều kiện tương đối thuận lợi, tình hình khách Quốc tế đến Việt Nam nói chung, và khách đến Hội an đều tăng trưởng khá. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Du lịch, lượt khách đến Việt Nam trong năm 2016 đạt 10.012.735 lượt, tăng 26% so năm trước. Tuy nhiên, lượt khách tăng chủ yếu là khách Trung Quốc, Hàn Quốc và Hồng Kông. Năm 2016 có 2.696.848 lượt khách Trung Quốc đến Việt Nam, chiếm 26,93% trong tổng lượt khách đến, tăng 51,4% so năm trước. Tiếp sau thị trường khách Trung Quốc là thị trường khách Hàn Quốc (1.389.718 lượt, chiếm 15,43% trong tổng lượt khách quốc tế đến VN, tăng 39,2% so cùng kỳ), đây là thị trường khách mà Công ty chưa tiếp cận được. Từ tháng 7/2015, Chính phủ đã miễn thị thực nhập cảnh cho công dân mang hộ chiếu phổ thông từ 5 nước Tây Âu, bao gồm Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Italia trong thời gian 1 năm, đến tháng 6/2016 tiếp tục gia hạn thêm 1 năm, đến 30/6/2017, đây là nguyên nhân khách từ các thị trường này tăng trong năm 2016. Các chính sách kích cầu của Chính Phủ nhằm đưa Du lịch Việt Nam thành ngành kinh tế mũi nhọn cũng là yếu tố cơ bản thuận lợi cho du lịch trong năm 2016.

Tổng lượt khách đến Hội an ước tính trong năm 2016 là 2 triệu 624 lượt, tăng 17,92% so năm 2015; trong đó, khách lưu trú là: 1 triệu 156, tăng 27,44% so năm 2015, công suất sử dụng phòng bình quân trên địa bàn 50%.

Bên cạnh những thuận lợi trên, một số nguyên nhân khách quan ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty:

Tốc độ tăng của các cơ sở lưu trú mới tại Hội an và Đà Nẵng quá nhanh. Theo báo cáo của Phòng Thương mại-Du lịch Hội an tính đến cuối năm 2016, toàn Thành phố Hội an có 432 cơ sở lưu trú đang hoạt động, tăng 52,6% so cùng kỳ; tương ứng 7.598 phòng, tăng 26,3% so cùng kỳ. Chỉ tính cho loại hình khách sạn, đã có 113 khách sạn với 5.759 phòng. Chính vì vậy, lượt khách lưu trú tuy tăng nhưng thị phần bị chia sẻ bởi quá nhiều dự án mới đưa vào hoạt động. Nguồn cung tăng vượt cầu không chỉ ảnh hưởng đến thị phần của Công ty mà còn tạo nên áp lực cạnh tranh về giá bán, về nguồn lao động có kinh nghiệm, tay nghề cao.

Bãi biển Cửa Đại bị sạt lở, sóng biển xâm thực từ năm 2014 đến nay vẫn còn tiếp diễn, nhất là những tháng cuối năm 2016 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Khu Du lịch Biển và làm thiệt hại về tài sản của Công ty (Cuốn trôi thảm cỏ, quầy bar, cây xanh…). Đây chính là nguyên nhân gây tâm lý lo ngại cho các hãng lữ hành và các nhà mạng khi ký hợp đồng bán phòng cho Khu du lịch Biển Hội an trong những tháng cuối năm 2016 và năm 2017. Thực tế, chúng ta đã mất khá nhiều khách từ các hãng lữ hành truyền thống và hầu như không khai thác thêm được các hãng lữ hành mới.

Hiện tượng cá chết tại các Tỉnh ven biển miền Trung vào tháng 04/2016 ảnh hưởng đến ngành du lịch, mà chủ yếu là Trung tâm lữ hành vì thời điểm khai thác khách nội địa và du lịch biển, một số tour du lịch bị huỷ hoặc phải thay đổi lịch trình.

Thời tiết những tháng cuối năm diễn biến phức tạp, bất thường, mưa lớn kéo dài, lũ lụt trái mùa rơi vào tháng 11 và tháng 12 dương lịch nên đã phần nào ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh.

HỘI AN
TOURIST HOLDING COMPANY

"An Oasis of Peace Where The River Meets The Ocean"

Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị về tái cơ cấu lại hệ thống bán hàng toàn Công ty, theo đó, trong 06 tháng đầu năm 2016, số nhân viên Phòng Thị trường nghỉ việc (05 người), nhân sự mới chưa được tuyển dụng hoặc đã tuyển dụng nhưng chưa quen công việc nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quan hệ khách hàng. Đến tháng 6/2016, vị trí Trưởng phòng kinh doanh mới được tuyển dung và bổ nhiệm, một số vị trí như Marcom, Sale Online vừa mới tuyển dụng được vài tháng đã nghỉ việc, phải tuyển dụng thay thế, cho đến nay, vị trí Marcom vẫn còn thiếu, chưa có người đảm nhận. Vì vậy, hệ thống bán hàng toàn công ty chỉ được kiện toàn và ổn định hoạt động trong cuối quý III và quý IV năm 2016 nên ít nhiều ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu lưu trú theo kỳ vọng từ đầu năm.

Số cơ sở lưu trú trên địa bàn tăng không những chia sẻ thị phần, tạo áp lực cạnh tranh về chất lượng, về giá bán phòng, mà còn cạnh tranh bằng các chính sách khuyến mãi… Chính vì vậy, doanh thu lưu trú tăng là do chỉ tiêu đón khách tăng, nhưng giá bán không đạt kỳ vọng và thậm chí giảm hơn so cùng kỳ. Khoản mục chi phí  hoa hồng phải trả cho các nhà mạng, chi phí khuyến mãi, chi phí phục vụ khách… tăng khá cao là nguyên nhân chính làm giảm chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện của hai khách sạn, nhất là tại Khu du lịch biển.

Các dự án mới ra đời tạo cơ hội việc làm khá nhiều, thu hút lao động có tay nghề cao, được đào tạo theo tiêu chuẩn nghề và có kinh nghiệm với mức lương và chế độ phúc lợi hấp dẫn hơn. Trong năm 2016, người lao động ít an tâm công tác, nghỉ việc nhiều, nhất là tại Chi nhánh Khu du lịch Biển.

Dù đã được cải tạo, nhưng cơ sở vật chất phục vụ du khách tại Khu du lịch Biển vẫn chưa được đồng bộ, khu 50 phòng phía giáp Khách sạn River Beach đã xuống cấp, phòng ẩm thấp, có mùi mốc, cảnh quan bên ngoài chưa được cải tạo. Hội trường chưa được cải tạo phù hợp nên không đáp ứng yêu cầu khách MICE, kể cả khai thác tiệc cưới tại địa phương cũng không thể khai thác hiệu quả.

Cùng với việc thay đổi Hệ thống thang bảng lương tham gia Bảo hiểm xã hội của DN theo quy định của Chính phủ, một số khoản chi phí trích nộp Bảo hiểm theo lương tăng mạnh so với năm 2015. Phần bảo hiểm bắt buộc do người lao động tham gia cũng tăng nên ảnh hưởng đến thu nhập thực tế, nhất là số lao động có mức thu nhập thấp, không đảm bảo đời sống.

Do thị trường chưa có, nhân sự điều hành không ổn định và chưa đủ năng lực, định hướng hoạt động theo tiêu chuẩn khách sạn cao cấp 04 sao chưa thực sự phù hợp với thị trường Tam Kỳ, cơ sở vật chất nhận bàn giao chưa đảm bảo để triển khai các dịch vụ du lịch nên Chi nhánh Bàn Thạch tiếp tục hoạt động kinh doanh thua lỗ mặc dù đã được miễn tiền thuê tài sản. Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị về việc chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh trước thời hạn, chấm dứt kinh doanh tại Chi nhánh Bàn Thạch từ ngày 01/9/2016, Ban điều hành đã tiến hành các thủ tục đóng cửa Chi nhánh, giải quyết các vấn đề về tài chính, điều chuyển tài sản về Công ty… Ngoài việc kinh doanh không có hiệu quả, việc đóng cửa Chi nhánh cũng gây thiệt hại không nhỏ về tài chính của Công ty do một số tài sản đã đầu tư, chưa khấu hao hết nhưng không nhượng bán được. Đến nay, việc bàn giao các công cụ dụng cụ vẫn chưa được Văn phòng Tỉnh uỷ giải quyết dứt điểm nên chưa hoàn tất thủ tục đóng cửa Chi nhánh theo Luật định.

06 tháng cuối năm 2016, dự án Tam Thanh hoàn thành và đưa vào khai thác. Bước đầu, hoạt động thử nghiệm, chủ yếu tập trung cho công tác đào tạo nhân viên, tìm kiếm, khai thác thị trường mới nên nguồn khách chưa có, doanh thu không đảm bảo trang trải chi phí như: chi phí nhân viên, điện, nước và chi phí quảng bá, tiếp thị… kết quả kinh doanh thua lỗ cũng là yếu tố làm giảm lợi nhuận toàn Công ty.

Chi phí khấu hao và phân bổ chi phí nâng cấp, cải tạo Khách sạn, chi phí phân bổ công cụ đầu tư mới cho hai Khách sạn từ năm 2013 đến nay vẫn còn cao là áp lực về tài chính trong điều kiện kinh doanh khó khăn như hiện nay.

Trước tình hình trên, năm 2016, tuy có cố gắng và nỗ lực nhưng kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của toàn Công ty đạt kết quả không khả quan, chỉ tiêu lợi nhuận tuy có tăng trưởng so cùng kỳ nhưng chỉ đạt 70% kế hoạch đề ra.

# Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Tỷ lệ 2016/2015 |
|---|---|---|---|
| Tài sản ngắn hạn | 21.897 | 21.025 | 96,02% |
| Tài sản dài hạn | 123.751 | 125.909 | 101,74% |
| **Tài sản** | **145.648** | **146.935** | **100,88%** |

ĐVT: Triệu đồng

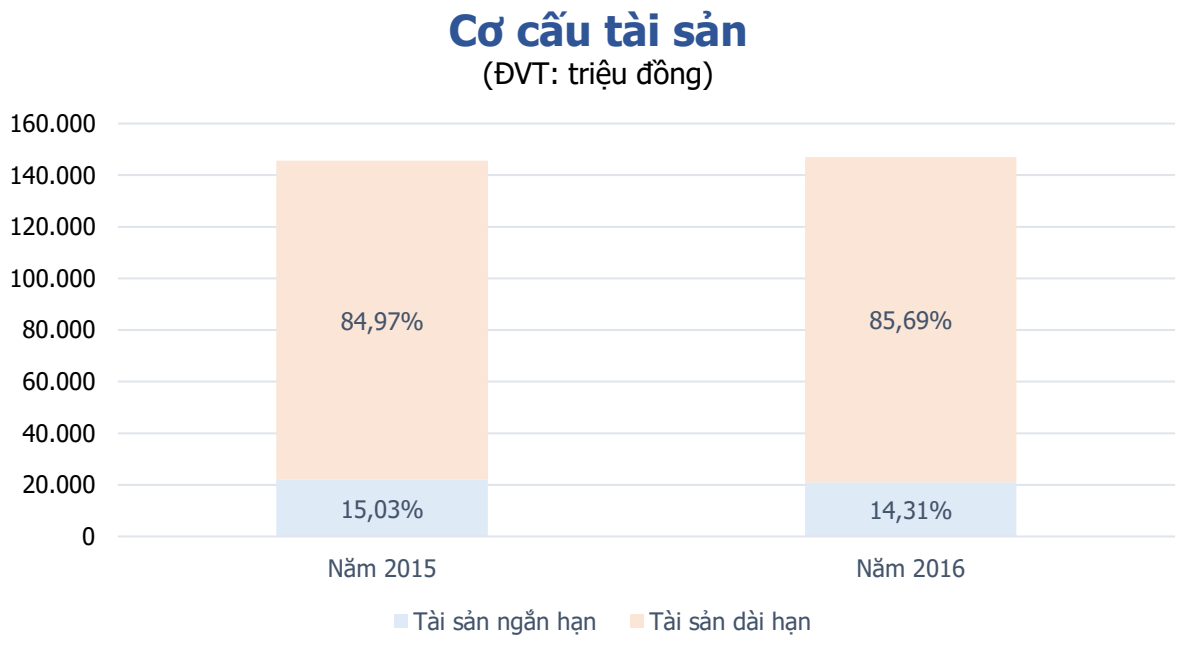


Cơ cấu tài sản hầu như không có nhiều thay đổi so với năm 2015. Tài sản dài hạn vẫn chiếm phần lớn với tỷ trọng đạt 85,69% tổng tài sản. Về giá trị, tại thời điểm 31/12/2016, tổng tài sản đạt 146,9 tỷ đồng, tăng 0,88% so với năm trước. Các khoản tăng tài sản dài hạn trong năm chủ yếu là do các khoản tăng thêm của tài sản cố định, trong đó việc hoàn thành các công trình xây dựng dở dang trong năm góp phần tăng giá trị nhà cửa, vật kiến trúc thêm 19,5 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn giảm khoảng 4% so với cùng kỳ nnăm 2015, chủ yếu là do giảm các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản trả trước cho người bán.

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Tỷ lệ 2016/2015 |
|---|---|---|---|
| Nợ ngắn hạn | 34.453 | 29.539 | 85,74% |
| Nợ dài hạn | 1.932 | 7.004 | 362,44% |
| **Nợ phải trả** | **36.386** | **36.543** | **100,43%** |

ĐVT: Triệu đồng

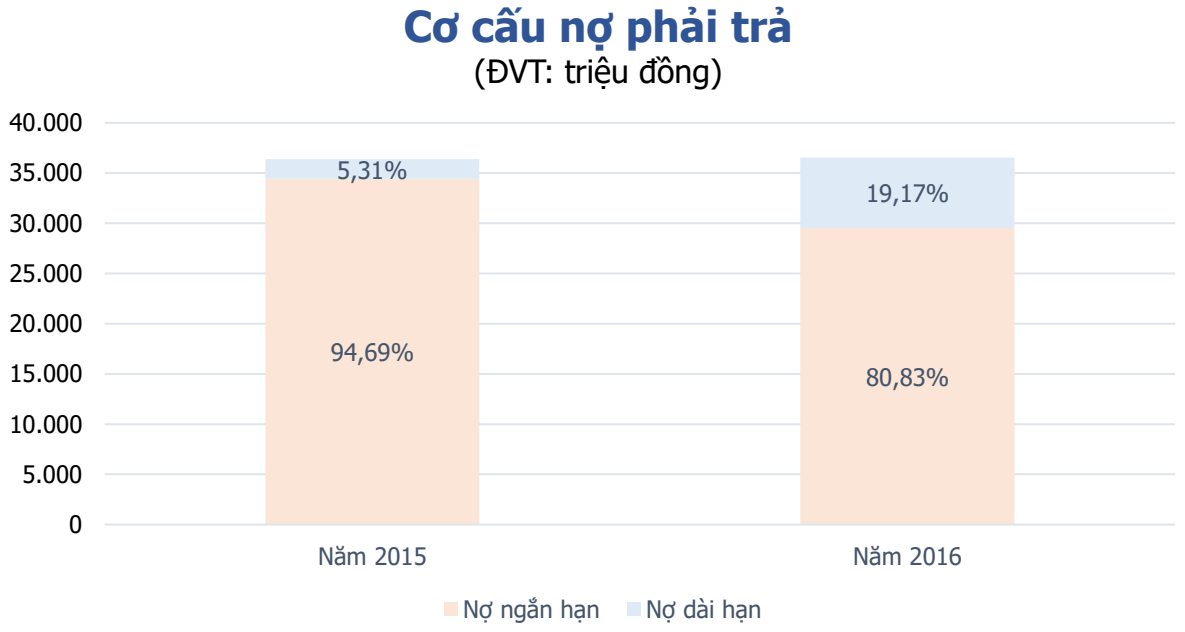


Giá trị sử dụng nợ của Công ty không có sự thay đổi quá lớn so với năm 2015. Phần lớn nợ phải trả của Công ty vẫn đến từ nợ ngắn hạn. Cơ cấu sử dụng nợ của Công ty vẫn chủ yếu là nợ ngắn hạn. Năm 2016, nợ ngắn hạn giảm so với năm trước, đạt mức là 29,5 tỷ đồng, chiếm 80,83% tổng nợ phải trả của Công ty. Nợ vay tài chính ngắn hạn là khoản vay với Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương để thanh toán các chi phí Dự án đầu tư mua sắm tài sản cố định, xây dựng năm 2016, hạn mức 4,3 tỷ, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Ngược lại, nợ dài hạn năm 2016 tăng cao, từ 1,9 tỷ đồng năm 2015 lên đến hơn 7 tỷ năm 2016, nguyên do xuất phát từ khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương để đầu tư cho dự án khu du lịch nghỉ mát Tam Thanh – Thành phố Tam Kỳ, hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Tài sản đất hình thành trong tương lai và toàn bộ công trình xây dựng khu du lịch nghĩ dưỡng Tam Thanh được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay.

# Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

## Công tác kế toán, tài chính

Năm 2016, Công ty có 6 chi nhánh tổ chức hạch toán phụ thuộc, 02 Văn phòng đại diện nên tổ chức kế toán tại Công ty luôn được Công ty chú trọng, triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế, đúng quy định. Công tác quản lý tài chính đảm bảo đúng quy định và minh bạch, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Công tác kiểm tra nội bộ tại các đơn vị cơ sở luôn được chú trọng và thực hiện thường xuyên nhằm hỗ trợ chuyên môn cho kế toán các Chi nhánh. Thông qua công tác kiểm tra phát hiện và điều chỉnh kịp thời những các sai sót trong quá trình tổ chức công tác kế toán tại các chi nhánh và cũng như giám sát việc thực hiện Quy chế tài chính của công ty tại chi nhánh.

Chú trọng việc kiểm tra, giám sát và sử dụng dòng tiền tại đơn vị một cách hiệu quả, đảm bảo giải ngân kịp thời cho các hoạt động kinh doanh, đầu tư và chi trả cổ tức cho cổ đông. Tăng cường công tác thu hồi công nợ, giảm tối đa số dư nợ phải thu, hạn chế nợ xấu, nợ khó đòi.

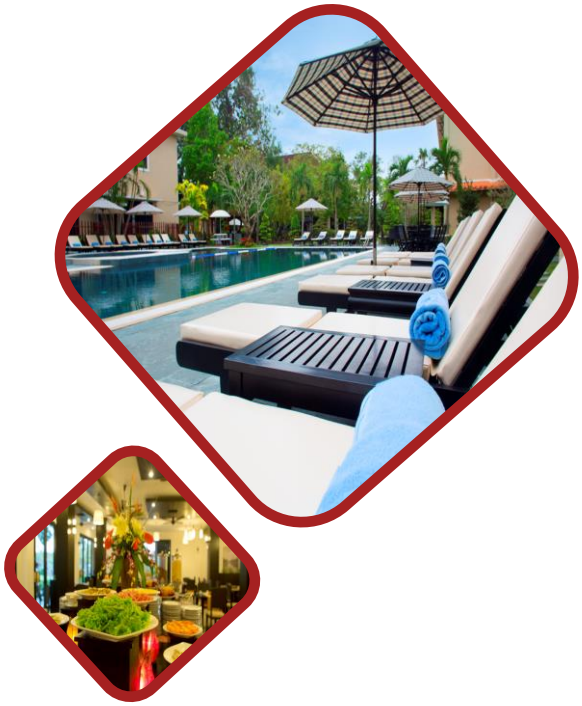

## Công tác Quan hệ cổ đông

Công ty luôn chú trọng đến lợi ích của cổ đông, cũng như tuân thủ các quy định của Nhà nước về việc công bố thông tin. Các vấn đề liên quan đến hoạt động công ty, tình hình tài chính luôn được công ty thực hiện công bố thông tin trên trang Quan hệ cổ đông của Công ty và nộp cho Uỷ ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh kịp thời.

Thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông đúng thời gian như thông báo. Báo cáo quản trị định kỳ, Báo cáo thường niên, và các Báo cáo về tình hình cổ đông được lập và công bố thông tin đúng thời gian và đầy đủ nội dung.

Năm 2016, Công ty được bình chọn là Doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn công bố thông tin.

## Kế hoạch phát triển năm 2017

# 193,754

Doanh thu | TỶ ĐỒNG

# 19,466

Lợi nhuận trước thuế | TỶ ĐỒNG

1.792

EPS | ĐỒNG/CP

15,417

Lợi nhuận sau thuế | TỶ ĐỒNG

*Specialist in Sustainable travel!*

Năm 2017, ngành du lịch cả nước sẽ có nhiều chuyển biến quan trọng sau Hội nghị toàn quốc về phát triển du lịch được tổ chức vào tháng 8/2016 tại Hội An; việc tiếp tục miễn thị thực cho các nước là thị trường truyền thống của ngành du lịch Việt Nam là dấu hiệu cho thấy tình hình khách du lịch đến Việt Nam có xu hướng tăng.

Tại Quảng Nam, Festival Quảng Nam – Hành trình di sản lần thứ 6 sẽ được tổ chức với nhiều hoạt động mang tầm quốc tế; Hội An cũng là một trong những điểm được lựa chọn để tổ chức các hoạt động trong chuỗi sự kiện của Hội nghị cấp cao diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương APEC 2017;

Thương hiệu du lịch Hội An tiếp tục được khách du lịch bình chọn và ghi nhận trên các tạp chí du lịch thế giới. Thành phố Hội an tiếp tục triển khai nhằm hoàn thiện hạ tầng cơ sở phục vụ du lịch, kiểm tra chấn chỉnh các vấn đề về du lịch như nạn cò mồi, chặt chém du khách… đã có giải pháp thiết thực cho việc cải tạo bãi biển Cửa Đại nhằm hạn chế tình trạng xâm thực, sạt lở, tạo cảnh quan tự nhiên để phục vụ du khách.

Bên cạnh các dấu hiệu dự báo về thị trường tương đối thuận lợi trên, Công ty vẫn phải chuẩn bị để đối phó với các thách thức trong năm 2017 như sau:

- Xu thế cạnh tranh giữa các Doanh nghiệp du lịch trên địa bàn ngày càng gay gắt hơn về chất lượng dịch vụ, về giá cả và chính sách thu hút nhân tài do có quá nhiều dự án khách sạn ra đời tại Hội an và Đà Nẵng, cùng với việc các Tập đoàn quản lý có thương hiệu mạnh đã bắt đầu khai thác thị trường Hội An.
- Hợp đồng thuê mặt bằng tại bãi Bắc giữa Công ty với Ban chỉ huy quân sự Tỉnh Quảng Nam chưa hết thời hạn nhưng vì mục đích quốc phòng nên đã có thông báo chấm dứt sẽ rất khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Trung tâm lữ hành tại Cù lao Chàm, đồng thời gây thiệt hại cho Công ty do chưa thu hồi hết vốn đầu tư.
- Tình trạng cơ sở vật chất xuống cấp, không ngang tầm với tiêu chuẩn 04 sao, chưa thực sự đồng bộ trong toàn Khu du lịch Biển; Hội trường phục vụ Hội nghị tại hai khách sạn không đủ tiêu chuẩn để khai thác khách hội nghị, hội thảo và tiệc cưới.
- Khu du lịch Biển Tam Thanh mới đưa vào khai thác với 16 phòng tại thị trường hoàn toàn mới, du lịch chưa phát triển mạnh. Ngoài các công trình như Tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng, Địa đạo Kỳ Anh, Khu du lịch Phú Ninh… thì Tam Kỳ cũng chưa có dịch vụ du lịch khác để thu hút khách lưu trú. Đây là dự án được ĐHĐCĐ và HĐQT công ty xác định là dự án đón đầu tại phía Nam Tỉnh Quảng Nam nên ngay từ khi trình bày Phương án đầu tư, chúng ta cũng đã chấp nhận dự án này lỗ trong ba năm đầu. Vì vậy, năm 2017, Công ty còn phải gánh chịu phần kinh doanh chưa khả quan của dự án này.
- Nghị định 153/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc tăng mức tiền lương tối thiểu vùng trong năm 2017, Thành phố Hội an là địa phương duy nhất trong toàn Tỉnh Quảng Nam được điều chỉnh từ vùng III lên vùng II (từ 2.700.000 đ năm 2016, lên 3.320.000 đ năm 2017), tăng 23% so năm 2016. Dự kiến khoản chi phí này năm 2017 tăng hơn gần 300 triệu. Cùng với việc DN chịu áp lực tăng về chi phí, người lao động sẽ giảm thu nhập thực tế do chi phí nộp các khoản bảo hiểm theo lương tăng.

## GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH 2017

Ngay từ những tháng cuối năm 2016, đầu năm 2017, Công ty đã tập trung triển khai các chính sách nhằm tiếp cận các thị trường khách tiềm năng, cố gắng duy trì quan hệ tốt với các hãng lữ hành truyền thống, tiếp cận và thu hút các hãng lữ hành mới.

Song song với việc tăng cường xúc tiến thị trường quốc tế, tiếp tục xúc tiến thị trường khách nội địa ở Hà Nội và Tp. HCM; đẩy mạnh MICE và Corp... Mời chào thêm hãng mới của các cty thông qua việc đón các đoàn Famtrip để giới thiệu sản phẩm dịch vụ du lịch và trải nghiệm thực tế.

Tham gia các chương trình triển lãm, hội chợ quảng bá thương hiệu ở nước ngoài, trực tiếp đưa thương hiệu của khách sạn, resort đến với khách hàng để giảm sự ảnh hưởng của các đại lý.

Tăng cường quảng bá, tiếp thị, nâng cấp Website công ty, hợp tác quảng cáo qua các phương tiện trên Internet, đẩy mạng khai thác bán hàng qua kênh mobile.

Đẩy mạnh việc quảng bá, tiếp thị, khai thác thị trường cho Khu du lịch Tam Thanh, đảm bảo doanh thu để trang trải chi phí hoạt động.

Phòng Thị trường Công ty phối hợp tốt với các chi nhánh nghiên cứu đầu tư và phát triển sản phẩm mới, sản phẩm đặc trưng; trong đó chú trọng dịch vụ ẩm thực.

Tại các Chi nhánh: Chú trọng việc đào tạo tại chỗ, nhất là đội ngũ nhân viên mới nhằm tăng năng lực cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, mang lại sự hài lòng cho khách hàng.

Phối hợp với đơn vị tư vấn nhằm hoàn tất Phương án tái cấu trúc bộ máy quản lý của Công ty theo hướng hạch toán độc lập. Sau khi phương án được duyệt, Ban điều hành cần có lộ trình triển khai cụ thể, đảm bảo các Chi nhánh đều nắm và cũng phối hợp tốt, hiệu quả, đạt được mục đích như mong muốn và đảm bảo hài hoà các lợi ích.

# BÁO CÁO CỦA
# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

# Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm qua, Chính phủ đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách đẩy mạnh phát triển du lịch; tỉnh Quảng Nam đã ban hành Nghị quyết phát triển du lịch, tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật tạo đà cho ngành du lịch phát triển, từ đó đã tác động mạnh mẽ cho sự phát triển và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành du lịch trong tỉnh, tạo ra nhiều cơ hội mới cho các doanh nghiệp và Công ty phát triển. Tuy nhiên tình hình diễn biến an ninh chính trị trên thế giới diễn biến phức tạo, hiện tượng nước biển xâm thực làm xói lở bờ biển Cửa Đại đã ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, sự phát triển nhanh các cơ sở lưu trú trên địa bàn Đà Nẵng và Hội An đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt làm cho giá cả ngày càng tụt giảm đáng kể ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh; việc đầu tư mới các dự án đưa vào hoạt động bước đầu chưa có hiệu quả, công tác quản lý kinh doanh nguồn nhân lực chưa đáp ứng đến hiệu quả chung của Công ty.

Trước những thuận lợi, khó khăn, thách thức trên, Hội đồng Quản trị đã kịp thời có nhiều biện pháp chỉ đạo Ban Điều hành triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời thực hiện quản trị công ty đạt được những kết quả nhất định.

### Về quản trị kinh doanh

Hội đồng đã chỉ đạo Ban Điều hành Công ty tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban Điều hành đã đề ra các giải pháp cụ thể để vượt qua những khó khăn, thách thức; trong đó, tập trung kiện toàn, củng cố bộ máy, nhân sự Phòng thị trường Công ty và các Văn phòng đại diện nhằm nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường Công ty; đề xuất các chính sách giá, chương trình khuyến mãi phù hợp theo từng mùa vụ để khai thác các thị trường khách. Tập trung chỉ đạo điều hành tổ chức kinh doanh tại các chi nhánh đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí hoạt động, chi phí quản lý, chi phí đầu tư đảm bảo thực hiện có hiệu quả và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra góp phần tăng hiệu quả kinh doanh, đảm bảo được việc làm và thu nhập của người lao động. Từng bước chuyển đổi cơ cấu doanh thu theo hướng tăng tương đối doanh thu các dịch vụ, nhất là dịch vụ ăn uống, nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú, dịch vụ ẩm thực, đầu tư phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới, sản phẩm đặc trưng để thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

Năm 2016, Công ty đạt doanh thu 180.564 triệu đồng, bằng 95,8% kế hoạch năm, tăng 6,5% so với năm trước; chi phí hoạt động thực hiện 123.491,3 triệu đồng, bằng 103,0% kế hoạch, tăng 9,5% so với năm trước; lợi nhuận trước thuế thực hiện là 13.438,6 triệu đồng, bằng 72,7% kế hoạch năm, tăng 8,77% so với năm trước. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với nhà nước và các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động tăng 2% so với năm trước.

Nhìn chung, kết quả thực hiện chưa đạt các chỉ tiêu kế hoạch như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, tuy nhiên về việc làm và thu nhập của người lao động ổn định và có tăng so với năm trước; sự chuyển dịch cơ cấu doanh thu dịch vụ chưa có sự chuyển biến đáng kể, hoạt động của các chi nhánh vẫn còn khó khăn chưa đạt kế hoạch, Riêng Khách sạn Hội An hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016.

## Về quản trị công tác thị trường

Hội đồng Quản trị đã định hướng tập trung điều chỉnh cơ cấu thị trường theo hướng giữ vững thị trường truyền thống, đẩy mạnh khai thác thị trường trọng điểm, thâm nhập vào các thị trường tiềm năng, tăng tỷ trọng lượng khách khai thác qua mạng toàn cầu, khai thác thị trường corporate, mice,… đặc biệt là thị trường khách du lịch Việt Nam để phát triển thị phần nhằm đảm bảo các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Kết quả năm 2016, thị trường truyền thống được giữ vững (chiếm tỷ trọng 60%) và có xu hướng giảm dần, khách bán qua mạng toàn cầu, các trang Web của Công ty tăng 48,8%.

Trong năm đã kịp thời kiện toàn bộ máy, nhân sự của Phòng thị trường; công tác tổ chức phối hợp giữa thị trường Công ty, các văn phòng đại diện và các chi nhánh tương đối đồng bộ, Phòng Thị trường đã đề xuất thực hiện chính sách giá, các chương trình khuyến mãi cho từng thời điểm, cho từng đối tượng khách khá hợp lý; nên lượng khách được khai thác trong năm 2016 tăng 7,5% so với cùng.

Về quản trị đổi mới, phát triển Công ty:

- Thực hiện chiến lược đổi mới của Công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo cho Ban Điều hành nâng cao năng lực quản lý điều hành, phân công, phân nhiệm từng thành viên trong Ban Điều hành và thực hiện tốt công tác chỉ đạo cho cả hệ thống Công ty thực hiện các mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra.
- Đối với các chi nhánh, Công ty triển khai thực hiện việc giao quyền tự chủ, phân cấp toàn diện hơn cho các cơ sở. từ đó các chi nhánh đã chủ động trong điều hành, quản lý tài chính, lao động tiền lương, đào tạo và tổ chức hoạt động kinh doanh ở các chi nhánh đảm bảo hiệu quả.
- Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động kinh doanh, Công ty đã tập trung đầu tư công tác đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn các phòng ban Công ty, đảm bảo theo hệ thống quy trình chuẩn các ngành nghề của khách sạn, lữ hành và dịch vụ giặt. Bên cạnh đó, Hội đồng Quản trị Công ty cũng đã chỉ đạo cho Ban Điều hành quan tâm đúng mức đến công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý từ cơ sở đến công ty; trong năm Công ty đã tiến hành bổ nhiệm lại Giám đốc các Chi nhánh. Tuy nhiên, việc phát triển nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển và hoạt động kinh doanh của Công ty, các nhân sự cấp cao, chủ chốt bố trí các vị trí mới òn e ngại, các nhân sự cấp cao tuyển dụng vào làm việc chưa hoàn thành được nhiệm vụ giao.
- Công ty đã điều kiện thuận lợi để hệ thống chính trị của Công ty thực hiện và phát huy tốt vai trò của tổ chức cơ sở đảng; các đoàn thể trong việc lãnh đạo tổ chức tốt phong trào thi đua; thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kinh doanh; đồng thời lãnh đạo và tổ chức cho người lao động giám sát  việc thực hiện các chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động luôn được đảm bảo, hàng năm tổ chức hội nghị người lao động đúng quy định.

## Về quản trị công tác đầu tư

Trong công tác đầu tư, mua sắm tài sản, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành cần tính toán kỷ lưỡng về hiệu quả đầu tư, thực hiện đầy đủ các thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định, tăng cường công tác giám sát hoạt động đầu tư, nhất là việc thực hành tiết kiệm trong công tác quản lý đầu tư đảm bảo chất lượng công trình.

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TCSĐ và đã hoàn thành dứt điểm trong năm một số hạng mục trọng tâm: Hoàn thành các hạng mục công trình của giai đoạn I và 01 hạng mục của giai đoạn II của Dự án Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh đưa vào sử dụng vào tháng 6/2016; đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa lớn tại các chi nhánh tại Khu du lịch Biển Hội An, Khách sạn Hội An; Trung tâm Lữ hành triển khai nâng cấp các hạng mục tại khu du lịch Bãi Bấc- Cù Lao Chàm sau khi có điện lưới quốc gia, tạo lối đi cho Nhà hàng Trà Quế.  Đầu tư mới 02 ca nô phục vụ tour Cù Lao Chàm và lắp đặt hệ thống camera cho Nhà hàng Trà Quế. Việc thực hiện công tác đầu tư đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật xây dựng, công trình đưa vào sử dụng đảm bảo được chất lượng, tính mỹ thuật và kỹ thuật.

## Về công tác quản trị tài chính

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được Hội đồng Quản trị luôn chú trọng, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong đầu tư xây dựng cơ bản được thường xuyên tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy chế, quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết.

# Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc Công ty

Trong năm 2016, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao. Thông qua các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của các đơn vị và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng đã xây dựng các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

# Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2017, tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta với cấp độ sâu rộng hơn, sẽ tạo cơ hội, động lực mới để thúc đẩy phát triển kinh tế và tăng cường nội lực và nâng cao sức cạnh tranh ở cả 3 cấp: quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm; Chính phủ và tỉnh Quảng Nam đã định hướng phát triển và tạo nhiều cơ chế, chính sách để phát triển ngành du lịch Việt Nam, ngành Du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Tuy nhiên, dự báo tình hình an ninh, chính trị và kinh tế thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường và sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành du lịch nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Sự phát triển hàng loạt khách sạn, resort trên địa bàn ra đời sẽ tạo ra sự cạnh tranh ngày càng diễn ra quyết liệt, bãi biển Cửa Đại vẫn còn tiếp tục sạt lở, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh Khu Du lịch Biển Hội An nói riêng, hiệu quả kinh doanh của Công ty nói chung.

Với những thuận lợi và khó khăn đó, toàn công ty cần quyết tâm vượt qua khó khăn, để phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu sau:

### Về mục tiêu

Về doanh thu: Phấn đấu đạt 193,754 tỷ đồng, tăng 7,3% so với năm 2016, trong 5 năm tới, đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm từ 7 -10%. Chuyển biến mạnh mẽ việc tăng doanh thu các dịch vụ, nhất là dịch vụ ẩm thực, phấn đấu tăng tỷ trọng doanh thu ẩm thực trên tổng doanh thu từ năm 2017 là 28%.

Lợi nhuận trước thuế: Phấn đấu đạt 19,466 tỷ đồng, tăng 45% so với năm trước, trong 5 năm tới, đảm bảo tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm từ 20 - 25%.

Về nguồn khách: Giữ vững nguồn khách truyền thống, đẩy mạnh khai thác thị trường qua mạng toàn cầu, thị trường khách tiềm năng, tập trung khai thác thị trường khách mới, nguồn khách mice, corporater, khách nội địa,... đạt tỷ lệ công suất buồng phòng bình quân 65 - 70%.

## Về nhiệm vụ và giải pháp

Để đạt được những mục tiêu đề ra, Hội đồng Quản trị tập trung một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

Tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 đạt hiệu quả cao kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, công tác quản lý, công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ; cắt giảm các chi phí chưa thật sự cần thiết; công khai, minh bạch tài chính theo đúng quy định, nhằm tăng hiệu quả quản lý tài chính của Công ty.

Về quản trị công tác thị trường: Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển thị trường, xây dựng chính sách giá, chương trình khuyến mãi một cách hợp lý, giữ vững thị trường khách truyền thống, đẩy mạnh khai thác thị trường khách châu Âu, thị trường khách khu vực Đông Bắc Á, thị trường khách Úc, New Diland, thị trường khách các nước khu vực Asean,... Tiếp tục điều chỉnh phân khúc thị trường theo định hướng tăng dần thị trường khách qua mạng, nguồn khách mice, corporater,... Đối với thị trường trong nước, cần hướng đến nguồn khách có tiềm năng, có yêu cầu cao về du lịch dịch vụ. Khai thác tốt các dịch vụ phụ trợ đáp ứng ngày càng cao của du khách. Có kế hoạch cụ thể về công tác quảng bá, tiếp thị khi có dự án mới.

Đối với các chi nhánh đã được giao quyền toàn diện, chủ động và chịu trách nhiệm về kết quả và hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, hiệu quả việc quản lý và sử dụng nguồn lực Công ty giao, cần phải chủ động trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, đầu tư phát triển dịch vụ mới, chú trọng việc xây dựng sản phẩm, dịch vụ khác biệt, đặc trưng để tăng năng lực kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Về quản trị công tác đầu tư: Năm 2017, Công ty tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp các hạng mục khu ngủ 50 phòng, hội trường Khu Du lịch Biển Hội An đảm bảo đồng bộ chất lượng của sản phẩm. Chuyển đổi công năng sân tennis thành Khu kinh doanh ẩm thực, gắn kết với khu cà phê sân vườn để tạo chuỗi giá trị mới nhằm tăng doanh thu và hiệu quả kinh doanh.

Xây dựng phương án khách sạn với quy mô từ 40-50 phòng tại Khu đất của Xí Giặt Hội An; đầu tư Khu Du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh giai đoạn II. Trong nhiệm kỳ 2017-2022, Xúc tiến nghiên cứu phát triển một số dự án mới.

Tiếp tục thực hiện đổi mới công tác quản lý toàn Công ty: Xây dựng phương án cơ cấu lại doanh nghiệp theo hướng tìm chọn đối tác có danh tiếng, thương hiệu quốc tế để huy động vốn và cho thuê quản lý các khách sạn Công ty. Trước mắt, tập trung tái cấu trúc lại bộ máy, nhân sự tại các chi nhánh phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của từng chi nhánh theo hướng hoạt động tự chủ, độc lập và chịu trách nhiệm trong công tác quản lý, điều hành, kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Xây dựng chuyển đổi Xí nghiệp Giặt Hội An để đầu tư xây dựng khách sạn; tổ chức xây dựng phương án cổ phần hóa Trung tâm Lữ hành Hội An trong năm 2017 theo hướng Công ty không nắm giữ cổ phần chi phối. Ban Điều hành tập trung xây dựng các phương án trên, trong đó cần chú ý đến việc xác định lại giá trị doanh nghiệp và giải quyết người lao động.

Thực hiện quy hoạch, đào tạo và chính sách về cán bộ: Tập trung chăm lo công tác đào tạo cán bộ quản lý cấp cơ sở để đảm bảo tính chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động, nhất là chính sách tiền lương, BHXH đảm bảo khuyến khích để thu hút và giữ chân người lao động có tay nghề, có kinh nghiệm.

Tiếp tục thực hiện chính sách: vừa có chế độ thu hút cán bộ quản lý giỏi về làm việc ở Công ty, vừa có chính sách đào tạo, bồi dưỡng về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ… trong và ngoài nước cho cán bộ quản lý và người lao động để đảm bảo nguồn nhân lực của Công ty đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của doanh nghiệp.

SAIGON

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

# Thành viên hội đồng quản trị

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| **01** | Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch |
| **02** | Lê Tiến Dũng | Thành viên |
| **03** | Lê Huy Khang | Thành viên |
| **04** | Vũ Hiền | Thành viên |
| **05** | Trần Văn Tân | Thành viên |

**Ông NGUYỄN VĂN BAN**

Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- 1997-2005: Công tác tại Sở Công nghiệp Quảng Nam.
- 2005-2009: Công tác tại CTCP May Trường Giang.
- 2009 – 2011: Công tác tại Sở Công thương tỉnh Quảng Nam.
- 15/02/2011 – đến nay: Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam, Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

**Ông LÊ TIẾN DŨNG**

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán.

Chứng chỉ đào tạo Giám đốc điều hành, Chứng chỉ đào tạo Quản trị CTCP Đại chúng.

Quá trình công tác:

- 1986 - 2005: Kế toán trưởng Công ty Ăn uống Dịch vụ Hội An.
- 2005 - 01/03/2009: Phó Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- 01/03/2009 – 11/4/2009: Quyền Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.
- 11/4/2009 – Nay: Tổng Giám đốc CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

**Ông VŨ HIỀN**

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hàng hải.

Quá trình công tác:

- 1998 – 2006: Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và tài chính IPA.
- 2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư IPA, thành viên HĐQT CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An.

# Các tiểu ban thuộc HĐQT

Tiểu ban Thị trường và Tiểu ban Nhân sự trong năm 2016 đã có kế hoạch cùng với Ban điều hành tái cơ cấu bộ phận thị trường lại theo định hướng của Hội đồng quản trị, tuyển dụng Giám đốc Thị trường và các vị trí sale mới đảm nhận các mảng thị trường của Công ty.

Tuyển dụng Giám đốc điều hành Khu du lịch Biển Hội An, đề bạt kiêm nhiệm Giám đốc Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh và Giám đốc Khách sạn ven sông Bàn Thạch.

Hội đồng quản trị và cử và giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Văn Ban và ông Vũ Hiền thực hiện việc tìm kiếm và nghiên cứu các dự án khả thi để có hướng đầu tư mới cho Công ty.

**Ông LÊ HUY KHANG**

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

(Chuyên ngành Quản lý Du lịch).

Quá trình công tác:

- 1995 - 2003: Trưởng phòng Kinh doanh CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An.
- 2004 – 2006: Trưởng phòng Kinh doanh Life Resort Hoi An.
- 2006 – 2009 : Giám đốc điều hành Hoi An Trails Resort.
- 2010 – 2011: Giám đốc điều hành Historic Hotel.
- 2012 – 2013: Giám đốc điều hành Brilliant Hotel.
- 2013 – 2015: Giám đốc điều hành Dự án Anvie Đà Nẵng.
- Đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An từ ngày 11/03/2015.

**Ông TRẦN VĂN TÂN**

Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật, Nghiên cứu sinh – Tiến sĩ Luật.

Quá trình công tác:

- Tháng 9/2001 – Tháng 8/2004: Chuyên viên Văn phòng HĐND, UBND tỉnh Quảng Nam.
- Tháng 9/2004 – Tháng 12/2012: Công tác tại Văn phòng HĐND tỉnh Quảng Nam, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Quảng Nam.
- Đến nay: Thành viên HĐQT CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An từ ngày 11/03/2015

# Hoạt động của hội đồng quản trị trong năm 2016

## Các buổi họp của hội đồng quản trị

| Số TT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | Số buổi họp | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 01 | Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch | Ngày bắt đầu: 03/3/2012 | 05 | 100% | Không |
| 02 | Lê Tiến Dũng | Th/viên | Ngày bắt đầu: 03/3/2012 | 05 | 100% | Không |
| 03 | Lê Huy Khang | Th/viên | Ngày bắt đầu: 11/3/2015 | 03/05 | 60% | Vắng 02 bận công việc |
| 04 | Vũ Hiền | Th/viên | Ngày bắt đầu: 03/3/2012 | 05 | 100% | Không |
| 05 | Trần Văn Tân | Th/viên | Ngày bắt đầu: 11/3/2015 | 05 | 100% | Không |

**Nghị quyết và quyết định được ban hành năm 2016 của HĐQT**

| TT | Số NQ, QĐ | Ngày | Nội dung |
|---|---|---|---|
| 1 | 01/2016/NQ.HĐQT | 05/01/216 | Nghị quyết Hội đồng Quản trị Quý IV/2015. |
| 2 | 02/2016/QĐ.HĐQT | 05/01/2016 | Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An. |
| 3 | 03/2016/QĐ.HĐQT | 05/01/2016 | Ban hành Quy chế Tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An. |
| 4 | 04/2016/QĐ.HĐQT | 05/01/2016 | Phê duyệt hình thức lựa chọn nhà thầu. Công trình : Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : trang thiết bị, vật tư và nhân công lắp đặt thiết bị bếp; mua sắm máy phát điện và hệ thống máy sấy; hệ thống chữa cháy, báo cháy. |
| 5 | 05/2016/QĐ.HĐQT | 16/01/2016 | Phê duyệt kết quả đầu thầu. Gói thầu : Thi công xây dựng trực tiếp phí khác, lán trại. Công trình : Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Thi công xây dựng sân đường, tường rào, công trình phụ. |
| 06 | 06/2016/QĐ.HĐQT | 24/01/2016 | Phê duyệt thiết kế dự toán. Công trình : Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Cung cấp lắp đặt đồ gỗ nội thất khối ngủ. |
| 07 | 07/2016/QĐ.HĐQT | 24/01/2016 | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình : Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Cung cấp lắp đặt đồ gỗ nội thất khối ngủ. |
| 08 | 08/2016/QĐ.HĐQT | 24/01/2016 | Chốt danh sách cổ đông chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. |
| 09 | 10/2016/QĐ.HĐQT | 18/02/2016 | Phê duyệt thay đổi hình thức lựa chọn nhà thầu. Công trình : Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Thi công lắp đặt hệ thống cửa gỗ nội thất. |
| 10 | 11/2016/QĐ.HĐQT | 01/03/2016 | Phê duyệt kết quả đấu thầu. Công trình : Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh, Hạng Mục : Thi công lắp đặt đồ gỗ nội thất khối ngủ. |
| 11 | 13/QĐ.HĐQT | 04/03/2016 | Ban hành Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Du lịch – Dịch vụ Hội An |
| 12 | 27/2016/QĐ.HĐQT | 11/3/2016 | Phê duyệt thiết kế dự toán. Công trình Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Lắp đặt trạm biến áp 160KVA và đường dây 22KV |
| 13 | 28/2016/QĐ.HĐQT | 11/3/2016 | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Công trình Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Lắp đặt trạm biến áp 160KVA và đường dây 22KV |
| 14 | 29/2016/QĐ.HĐQT | 14/3/2016 | Phê duyệt giá trị dự toán. Hạng mục : Mua sắm tàu cao tốc 37 và 26 chỗ ngồi trang bị cho Trung tâm lữ hành Hội An |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 15 | 30/2016/QĐ.HĐQT | 14/3/2016 | Phê duyệt kế hoạch đấu thầu. Hạng mục : Mua sắm tàu cao tốc 37 và 26 chỗ ngồi trang bị cho Trung tâm lữ hành Hội An. |
| 16 | 32/2016/NQ.HĐQT | 04/04/2016 | Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức năm 2016. |
| 17 | 33/2016/QĐ.HĐQT | 04/04/2016 | Phê duyệt thiết kế dự toán. Công trình: Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Lắp đặt trạm biến áp 160 KVA và đường dây 22KV. |
| 18 | 34/2016/QĐ.HĐQT | 04/04/2016 | Phê duyệt kế hoạch đầu thầu. Công trình: Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. Hạng mục : Lắp đặt trạm biến áp 160 KVA và đường dây 22KV. |
| 19 | 35/2016/QĐ.HĐQT | 05/04/2016 | Phê duyệt kết quả đấu thầu. Hạng mục : Mua sắm tàu cao tốc 37 và 26 chỗ ngồi. Chủ đầu tư : Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An. |
| 20 | 36/2016/NQ.HĐQT | 13/06/2016 | Nghị quyết HĐQT Quý 1/2016. |
| 21 | 37/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Đóng cửa địa điểm kinh doanh: Khu du lich nghỉ dưỡng Tam Thanh - Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – dịch vụ Hội An – Khách sạn Ven sông Bàn Thạch. |
| 22 | 39/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Quyết định thành lập CN Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. |
| 23 | 40/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | QĐ v/v bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An –Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh. |
| 24 | 41/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khu du lịch Biển Hội An. |
| 25 | 42/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Khách sạn Hội An. |
| 26 | 43/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Trung tâm lữ hành Hội An. |
| 27 | 44/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An – Xí nghiệp Giặt Hội An. |
| 28 | 45/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 29 | 46/2016/QĐ.HĐQT | 13/6/2016 | Bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch – Dịch vụ Hội An tại Thành phố Hà Nội. |
| 30 | 48/2016/NQ.HĐQT | 15/8/2016 | Nghị quyết HĐQT Quý III-2016. |
| 31 | 50/2016/NQ.HĐQT | 27/10/2016 | Nghị quyết HĐQT Quý IV/2016. |

## Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Ông **Lê Tiến Dũng** – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty

# Thành viên Ban kiểm soát

| STT | Thành viên | Chức vụ |
|---|---|---|
| 01 | Trình Thị Kim Quy | Trưởng ban Kiểm soát |
| 02 | Nguyễn Tổng Sơn | Kiểm soát viên |
| 03 | Trần Đình Phong | Kiểm soát viên |

**Bà TRÌNH THỊ KIM QUY**

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Quá trình công tác:

- Tháng 2/1993 – Tháng 8/2001: Kế toán – Phó kế toán Trưởng Công ty Giao thông công chính và đô thị Tam Kỳ.
- Tháng 9/2001 – Tháng 10/2009: Chuyên viên phòng Tài chính Đảng – Văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam.
- Tháng 11/2009 – Tháng 9/2014: Phó Trưởng phòng Tài chính Đảng - Văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam.
- Tháng 10/2009 - Đến nay : Phó Chánh văn phòng tỉnh ủy Quảng Nam, Thành viên HĐQT CTCP Du lịch – Dịch vụ Hội An (từ ngày 11/03/2015).

**Ông TRẦN ĐÌNH PHONG**

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính - Kế toán.

Quá trình công tác:

- 1982 – 1996: Công tác tại ban Tài chính – Quản trị Tỉnh ủy QNĐN: Nhân viên phòng hành chính, Ngân sách Đảng; theo dõi sản xuất kinh doanh các đơn vị thuộc kinh tế Đảng QNĐN; Kế toán trưởng Ban Quản lý các Dự án đầu tư và xây dựng Khối Đảng QNĐN.
- 1997 – Nay: Công tác tại Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam

**Ông NGUYỄN TỐNG SƠN**

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính - Kế toán.

Quá trình công tác:

- 2007 – 2008: Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA.
- 2008 – Nay: Giám đốc tài chính CTCP năng lượng Bắc Hà.
- 2011 – Nay: Giám đốc tài chính CTCP Tập đoàn Đầu tư IPA

104

# Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty.

Năm 2016, Ban kiểm soát đã tham dự tất cả các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị của Công ty. Hoạt động của Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật tại Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty trong năm 2016, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong năm 2016 theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tham gia các ý kiến và đưa ra các kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, nghị quyết tại các cuộc họp định kỳ đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C kiểm toán.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.

## Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích

| Họ và tên | Chức danh | Thù lao | Lương | Thưởng |
|---|---|---|---|---|
| **Hội đồng quản trị** | | | | |
| Ông Nguyễn Văn Ban | Chủ tịch | 131.154.545 | - | 14.175.539 |
| Ông Lê Tiến Dũng | Thành viên | 87.436.364 | - | 9.450.359 |
| Ông Lê Huy Khang | Thành viên | 87.436.364 | - | 9.450.359 |
| Ông Vũ Hiền | Thành viên | 87.436.364 | - | 9.450.359 |
| Ông Trần Văn Tân | Thành viên | 87.436.364 | - | 9.450.359 |
| **Ban kiểm soát** | | | | |
| Bà Trình Thị Kim Quy | Trưởng ban | 88.328.571 | - | 9.546.792 |
| Ông Nguyễn Tổng Sơn | Thành viên | 58.885.714 | - | 6.364.528 |
| Ông Trần Đình Phong | Thành viên | 58.885.714 | - | 6.364.528 |
| **Ban điều hành** | | | | |
| Ông Lê Tiến Dũng | Tổng Giám đốc | - | 625.007.085 | 32.671.243 |
| Ông Nguyễn Văn Cư | Phó Tổng Giám đốc | - | 397.731.781 | 20.790.791 |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan | Phó TGĐ kiêm KTT | - | 397.731.781 | 20.790.791 |

**Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ**

Không

**Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ**

Không có

# BÁO CÁO
# TÀI CHÍNH

BAKER TILLY A&C
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 77/2017/BCTC-KTTV

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - DỊCH VỤ HỘI AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**
**Chi nhánh Hà Nội**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C TẠI HÀ NỘI

**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1*

**Hoàng Thị Viết - Kiểm toán viên**
*Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1*

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

Đơn vị tính: VND

| | TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **A -** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** | | **21.025.431.951** | **21.896.593.343** |
| **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** | **V.1** | **5.943.360.194** | **3.356.723.720** |
| 1. | Tiền | 111 | | 5.943.360.194 | 3.356.723.720 |
| 2. | Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| **II.** | **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** | | **-** | **-** |
| 1. | Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. | Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** | | **10.706.078.740** | **13.988.455.331** |
| 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 9.756.324.771 | 10.414.920.826 |
| 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 190.642.750 | 2.814.956.531 |
| 3. | Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. | Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4a | 951.271.559 | 943.535.314 |
| 7. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (192.160.340) | (184.957.340) |
| 8. | Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| **IV.** | **Hàng tồn kho** | **140** | | **3.525.257.251** | **3.379.462.117** |
| 1. | Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 3.525.257.251 | 3.379.462.117 |
| 2. | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **150** | | **850.735.766** | **1.171.952.175** |
| 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7a | 850.735.766 | 1.171.952.175 |
| 2. | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5 | Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|
| **B - TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** | | **125.909.362.869** | **123.751.180.900** |
| **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** | | **574.000.000** | **605.248.000** |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.4b | 574.000.000 | 605.248.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| **II. Tài sản cố định** | **220** | | **100.693.593.377** | **91.172.332.078** |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.8 | 91.311.748.841 | 82.279.343.817 |
| *Nguyên giá* | *222* | | *218.489.199.206* | *194.466.964.741* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *223* | | *(127.177.450.365)* | *(112.187.620.924)* |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| *Nguyên giá* | *225* | | - | - |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *226* | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.9 | 9.381.844.536 | 8.892.988.261 |
| *Nguyên giá* | *228* | | *10.771.798.998* | *9.694.311.724* |
| *Giá trị hao mòn lũy kế* | *229* | | *(1.389.954.462)* | *(801.323.463)* |
| **III. Bất động sản đầu tư** | **230** | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| **IV. Tài sản dở dang dài hạn** | **240** | **V.10** | - | **5.912.408.382** |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | 5.912.408.382 |
| **V. Đầu tư tài chính dài hạn** | **250** | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| **VI. Tài sản dài hạn khác** | **260** | | **24.641.769.492** | **26.061.192.440** |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.7b | 24.641.769.492 | 26.061.192.440 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.11 | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** | | **146.934.794.820** | **145.647.774.243** |

| | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **C -** | **NỢ PHẢI TRẢ** | **300** | | **36.543.003.886** | **36.385.604.539** |
| **I.** | **Nợ ngắn hạn** | **310** | | **29.539.446.982** | **34.453.247.739** |
| 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.12 | 10.693.945.450 | 6.123.949.614 |
| 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.13 | 1.629.885.975 | 1.580.635.234 |
| 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.14 | 6.397.351.392 | 6.475.609.561 |
| 4. | Phải trả người lao động | 314 | | 8.014.932.507 | 8.925.139.645 |
| 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 7.876.667 | 30.351.469 |
| 6. | Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. | Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.15a | 589.750.005 | 1.410.484.003 |
| 10. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.16a | 1.983.077.000 | 9.025.417.770 |
| 11. | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.17 | 222.627.986 | 881.660.443 |
| 13. | Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. | Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| **II.** | **Nợ dài hạn** | **330** | | **7.003.556.904** | **1.932.356.800** |
| 1. | Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. | Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. | Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. | Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. | Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. | Phải trả dài hạn khác | 337 | V.15b | 47.000.000 | 52.000.000 |
| 8. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.16b | 6.257.214.311 | 1.880.356.800 |
| 9. | Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. | Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.22 | 699.342.593 | - |
| 12. | Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

| | NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|---|---|---|
| **D -** | **NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** | | **110.391.790.934** | **109.262.169.704** |
| **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **410** | **V.18** | **110.391.790.934** | **109.262.169.704** |
| 1. | Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 80.000.000.000 | 80.000.000.000 |
| - | *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | *411a* | | *80.000.000.000* | *80.000.000.000* |
| - | *Cổ phiếu ưu đãi* | *411b* | | - | - |
| 2. | Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. | Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. | Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. | Cổ phiếu quỹ | 415 | | (630.000) | (630.000) |
| 6. | Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. | Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 19.684.373.428 | 19.718.008.069 |
| 9. | Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 10.708.047.506 | 9.544.791.635 |
| - | *LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước* | *421a* | | *94.338.609* | *91.821.995* |
| - | *LNST chưa phân phối kỳ này* | *421b* | | *10.613.708.897* | *9.452.969.640* |
| 12. | Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| **II.** | **Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** | | **-** | **-** |
| 1. | Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. | Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** | | **146.934.794.820** | **145.647.774.243** |

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2017

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị Thu Quanh | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Lê Tiến Dũng |

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH HỘI AN

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

| | CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|---|
| 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 175.170.781.593 | 164.592.137.326 |
| 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 175.170.781.593 | 164.592.137.326 |
| 4. | Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 133.443.905.594 | 128.679.492.912 |
| 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 41.726.875.999 | 35.912.644.414 |
| 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 77.563.793 | 201.643.693 |
| 7. | Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 704.115.054 | 1.248.099.927 |
| | Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 634.227.044 | 1.190.871.252 |
| 8. | Chi phí bán hàng | 25 | VI.5 | 10.225.218.864 | 8.627.939.357 |
| 9. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 17.688.855.996 | 14.666.544.173 |
| 10. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 13.186.249.878 | 11.571.704.650 |
| 11. | Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 449.962.951 | 878.127.031 |
| 12. | Chi phí khác | 32 | VI.8 | 198.134.415 | 94.805.826 |
| 13. | Lợi nhuận khác | 40 | | 251.828.536 | 783.321.205 |
| 14. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 13.438.078.414 | 12.355.025.855 |
| 15. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.14 | 2.125.026.924 | 2.902.056.215 |
| 16. | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | VI.9 | 699.342.593 | - |
| 17. | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 10.613.708.897 | 9.452.969.640 |
| 18. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 1.167 | 1.035 |
| 19. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 1.167 | 1.035 |

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2017

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị Thu Quanh | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Lê Tiến Dũng |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

**(Theo phương pháp gián tiếp)**
**Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** | | | | |
| *1. Lợi nhuận trước thuế* | *01* | | *13.438.078.414* | *12.355.025.855* |
| *2. Điều chỉnh cho các khoản:* | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | | 16.867.987.009 | 16.697.641.619 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 7.203.000 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (6.162.556) | (2.516.614) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (280.909.090) | (686.499.396) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 634.227.044 | 1.190.871.252 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| *3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động* | *08* | | *30.660.423.821* | *29.554.522.716* |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 2.573.444.357 | (2.730.262.022) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (145.795.134) | 116.409.528 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 3.402.833.490 | (562.455.484) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 1.740.639.357 | 10.704.064.712 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (656.701.846) | (1.195.957.108) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (2.023.470.549) | (3.818.642.096) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 31.600.000 | 89.695.900 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.341.154.783) | (2.358.368.847) |
| *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh* | *20* | | *34.241.818.713* | *29.799.007.299* |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (20.476.839.926) | (19.387.622.050) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 280.909.090 | 728.064.544 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| *Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư* | *30* | | *(20.195.930.836)* | *(18.659.557.506)* |

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|---|---|
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 38.424.544.447 | 51.453.250.965 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (41.090.027.706) | (56.913.642.496) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (8.799.930.700) | (5.879.953.695) |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** | | ***(11.465.413.959)*** | ***(11.340.345.226)*** |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm** | **50** | | **2.580.473.918** | **(200.895.433)** |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** | **V.1** | **3.356.723.720** | **3.555.102.539** |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 6.162.556 | 2.516.614 |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **70** | **V.1** | **5.943.360.194** | **3.356.723.720** |
| | | | - | - |

Lập, ngày 24 tháng 02 năm 2017

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị Thu Quanh | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Lê Tiến Dũng |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ bán vé máy bay;
- Dịch vụ giặt là.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh đã hoàn thành đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 01 tháng 7 năm 2016.

### 6. Cấu trúc của Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|---|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khách sạn Hội An | Số 10 Trần Hưng Đạo - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Khu du lịch biển Hội An | Số 01 Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An – Trung tâm Lữ hành Hội An | Số 10 Trần Hưng Đạo TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An - Xí nghiệp giặt Hội An | Số 99A Cửa Đại - TP. Hội An - Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch- Dịch vụ Hội An - Khách sạn ven sông Bàn Thạch | Số 10 Bạch Đằng - TP. Tam Kỳ- Tỉnh Quảng Nam |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch- Dịch vụ Hội An – Khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh | Thôn Hạ Thanh - xã Tam Thanh - thành phố Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An tại TP Hồ Chí Minh | Tầng 04 - Toà nhà Lâm Giang 167-173 Trần Hưng Đạo - Quận 1- TP Hồ Chí Minh |
| Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An TP Hà Nội | Tầng 5, số 559 Kim Mã - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội |

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**8. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 541 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 612 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm (năm trước là 3 năm).

***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm (năm trước là 3 năm).

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| Loại tài sản cố định | Số năm |
|---|---|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình Công ty bao gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 - 5 năm.

## 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 11. Vốn chủ sở hữu

*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

## 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

*Doanh thu bán hàng hoá*

Doanh thu bán hàng hóa, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## 14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

## 19. Công cụ tài chính

***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 693.216.586 | 386.966.003 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 5.192.725.416 | 2.950.065.818 |
| Tiền đang chuyển | 57.418.192 | 19.691.899 |
| **Cộng** | **5.943.360.194** | **3.356.723.720** |

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| ***Phải thu các bên liên quan*** | ***523.508.000*** | ***475.916.364*** |
| Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam | 523.508.000 | 475.916.364 |
| ***Phải thu các khách hàng khác*** | ***9.232.816.771*** | ***9.939.004.462*** |
| Công ty TNHH MTV Du lịch Trâu Việt Nam | 821.619.550 | 817.620.752 |
| Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lữ hành Sài GònTourist tại Đà Nẵng | 750.882.051 | 555.495.020 |
| Các khách hàng khác | 7.660.315.170 | 8.565.888.690 |
| **Cộng** | **9.756.324.771** | **10.414.920.826** |

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Sở Tài chính Quảng Nam | | 804.000.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Xuất nhập khẩu Gia Hưng | | 280.842.000 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Eurowindow tại Đà Nẵng | | 380.254.847 |
| Công ty TNHH Smile Solutione | | 262.800.000 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Kim Châu | | 480.167.000 |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Miền Trung | 34.439.000 | |
| Công ty TNHH Du Thuyền Bhaya | 38.430.000 | |
| Các nhà cung cấp khác | 117.773.750 | 606.892.684 |
| **Cộng** | **190.642.750** | **2.814.956.531** |

## 4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

### 4a. *Phải thu ngắn hạn khác*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Thu đại lý vé máy bay | 605.162.905 | | 559.403.465 | |
| Phải thu các khoản trợ cấp từ cơ quan BHXH | 18.741.615 | | 117.476.350 | |
| Phải thu khoản đặt cọc thuê văn phòng | 40.248.000 | | | |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 287.119.039 | | 266.655.499 | |
| **Cộng** | **951.271.559** | | **943.535.314** | |

### 4b. *Phải thu dài hạn khác*

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Ký quỹ tại ngân hàng Công thương Việt Nam | 500.000.000 | | 500.000.000 | |
| Ký quỹ, đặt cọc khác | 74.000.000 | | 105.248.000 | |
| **Cộng** | **574.000.000** | | **605.248.000** | |

## 5. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Thời gian quá hạn (năm) | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn (năm) | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH Tân Đông An | | | | | | |
| *Phải thu tiền cung cấp dịch vụ giặt là* | *4* | *97.956.000* | | *3* | *97.956.000* | |
| Công ty Cổ phần Đất Mỹ Kế | | | | | | |
| *Phải thu tiền cung cấp dịch vụ phòng khách sạn* | *4* | *70.194.340* | | *3* | *70.194.340* | |
| Công ty TNHH Chìa Khóa Việt | | | | | | |
| *Phải thu tiền cung cấp dịch vụ du lịch* | *3* | *24.010.000* | | *2* | *24.010.000* | *7.203.000* |
| **Cộng** | | **192.160.340** | | | **192.160.340** | **7.203.000** |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 184.957.340 | 184.957.340 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 7.203.000 | |
| Hoàn nhập dự phòng | | |
| **Số cuối năm** | **192.160.340** | **184.957.340** |

## 6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 1.168.133.147 | | 1.007.451.113 | |
| Công cụ, dụng cụ | 1.673.416.713 | | 1.648.127.565 | |
| Hàng hóa | 683.707.391 | | 723.883.439 | |
| **Cộng** | **3.525.257.251** | | **3.379.462.117** | |

## 7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

### 7a. *Chi phí trả trước ngắn hạn*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 462.658.376 | 262.176.316 |
| Chi phí sửa chữa | 51.805.251 | 42.876.608 |
| Chi phí bảo hiểm | 133.135.481 | 132.146.401 |
| Chi phí tư vấn | | 677.297.500 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 203.136.658 | 57.455.350 |
| **Cộng** | **850.735.766** | **1.171.952.175** |

### 7b. *Chi phí trả trước dài hạn*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 11.457.210.544 | 11.105.060.328 |
| Chi phí bảo trì, sửa chữa | 11.045.052.654 | 13.554.550.998 |
| Chi phí thuê mặt bằng | 175.666.659 | 247.666.665 |
| Phí bảo hành phần mềm | 135.066.662 | 7.977.778 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 1.828.772.973 | 1.145.936.671 |
| **Cộng** | **24.641.769.492** | **26.061.192.440** |

## 8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản khác | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | | |
| Số đầu năm | 126.645.302.935 | 41.163.474.276 | 21.716.436.729 | 4.941.750.801 | | 194.466.964.741 |
| Mua trong năm | 109.962.000 | 833.096.525 | 2.190.659.091 | 271.993.075 | | 3.405.710.691 |
| XDCB hoàn thành | 19.519.790.304 | 1.632.644.039 | | 302.521.000 | 451.095.000 | 21.906.050.343 |
| Thanh lý, nhượng bán | | (35.005.140) | (1.254.521.429) | | | (1.289.526.569) |
| **Số cuối năm** | **146.275.055.239** | **43.594.209.700** | **22.652.574.391** | **5.516.264.876** | **451.095.000** | **218.489.199.206** |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 10.325.964.757 | 18.158.412.094 | 2.295.615.278 | 1.043.758.566 | | 31.823.750.695 |
| Chờ thanh lý | | | | | | |
| **Giá trị hao mòn** | | | | | | |
| Số đầu năm | 70.717.296.405 | 26.542.573.909 | 12.631.371.487 | 2.296.379.123 | | 112.187.620.924 |
| Khấu hao trong năm | 7.838.935.945 | 4.541.181.475 | 2.699.853.535 | 1.176.830.305 | 22.554.750 | 16.279.356.010 |
| Thanh lý, nhượng bán | | (35.005.140) | (1.254.521.429) | | | (1.289.526.569) |
| **Số cuối năm** | **78.556.232.350** | **31.048.750.244** | **14.076.703.593** | **3.473.209.428** | **22.554.750** | **127.177.450.365** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | | |
| Số đầu năm | 55.928.006.530 | 14.620.900.367 | 9.085.065.242 | 2.645.371.678 | | 82.279.343.817 |
| **Số cuối năm** | **67.920.014.289** | **12.344.268.056** | **8.575.870.798** | **2.043.055.448** | **428.540.250** | **91.311.748.841** |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | | | | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | | | | |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 22.375.249.425 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương.

## 9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | |
| Số đầu năm | 7.363.944.364 | 2.330.367.360 | 9.694.311.724 |
| XDCB hoàn thành | | 1.077.487.274 | 1.077.487.274 |
| **Số cuối năm** | **7.363.944.364** | **3.407.854.634** | **10.771.798.998** |
| *Trong đó:* | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | | 380.000.000 | 380.000.000 |
| **Giá trị hao mòn** | | | |
| Số đầu năm | 421.323.463 | 380.000.000 | 801.323.463 |
| Khấu hao trong năm | 90.283.596 | 498.347.403 | 588.630.999 |
| **Số cuối năm** | **511.607.059** | **878.347.403** | **1.389.954.462** |
| **Giá trị còn lại** | | | |
| Số đầu năm | 6.942.620.901 | 1.950.367.360 | 8.892.988.261 |
| **Số cuối năm** | **6.852.337.305** | **2.529.507.231** | **9.381.844.536** |
| *Trong đó:* | | | |
| Tạm thời không sử dụng | | | |
| Đang chờ thanh lý | | | |

## 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển phân bổ | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| Cải tạo các hạng mục tại Khu Du lịch biển | 2.730.713.434 | 502.481.036 | 485.391.017 | 2.747.803.453 | |
| Cải tạo các hạng mục tại Khách sạn Hội An | | 958.425.795 | | 958.425.795 | |
| Cải tạo các hạng mục tại Trung tâm Lữ hành | | 356.672.734 | | 356.672.734 | |
| Dự án Khu nghỉ dưỡng Tam Thanh | 2.697.174.203 | 20.681.868.172 | 21.118.138.326 | 2.260.904.049 | |
| Dự án thay đổi phần mềm quản lý Smile | 403.534.638 | 998.773.636 | 1.380.008.274 | 22.300.000 | |
| Dự án quản lý nhà khách Tỉnh Quảng Nam | 80.986.107 | 22.727.273 | | 103.713.380 | |
| **Cộng** | **5.912.408.382** | **23.520.948.646** | **22.983.537.617** | **6.449.819.411** | |

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 534.824.251 VND (năm trước là 78.725.578 VND).

## 11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đ.H.C | 406.697.933 | 467.385.630 |
| Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vải và Nội thất An Phú Gia | | 514.169.370 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Kim Châu | 1.039.983.365 | |
| Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Tân Phước | 2.946.654.200 | |
| Các nhà cung cấp khác | 6.300.609.952 | 5.142.394.614 |
| **Cộng** | **10.693.945.450** | **6.123.949.614** |

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là người mua trả tiền trước dịch vụ.

## 13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 615.744.011 | 10.382.316.188 | 10.632.831.353 | 365.228.846 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 37.663.832 | 550.519.881 | 544.689.637 | 43.494.076 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 219.470.549 | 2.125.026.924 | 2.023.470.549 | 321.026.924 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 28.551.169 | 1.049.493.622 | 984.623.245 | 93.421.546 |
| Thuế nhà đất | | 2.517.845.849 | 2.517.845.849 | |
| Các loại thuế khác | | 475.964.313 | 475.964.313 | |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 5.574.180.000 | | | 5.574.180.000 |
| **Cộng** | **6.475.609.561** | **17.101.166.777** | **17.179.424.946** | **6.397.351.392** |

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ thực hiện Tour nước ngoài là 0%, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 13.438.078.414 | 12.355.025.855 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | (2.812.943.794) | 460.749.366 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 689.931.728 | 463.265.980 |
| *Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành* | *599.563.636* | *431.757.576* |
| *Các khoản chi phí không hợp lệ* | *87.851.478* | *28.576.497* |
| *Chênh lệch tỷ giá của tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ* | *2.516.614* | *2.931.907* |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 3.502.875.522 | 2.516.614 |

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| *Chênh lệch phân bổ chi phí sửa chữa tài sản cố định và công cụ dụng cụ* | *3.496.712.966* | |
| *Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản phải thu có gốc ngoại tệ* | *6.162.556* | *2.516.614* |
| Thu nhập chịu thuế | 10.625.134.620 | 12.815.775.221 |
| Thu nhập được miễn thuế | | |
| Lỗ các năm trước được chuyển | | |
| Thu nhập tính thuế | 10.625.134.620 | 12.815.775.221 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| ***Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông*** | ***2.125.026.924*** | ***2.819.470.549*** |
| ***Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm*** | | |
| ***Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp*** | ***2.125.026.924*** | ***2.819.470.549*** |
| ***Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước*** | | ***82.585.666*** |
| **Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp** | **2.125.026.924** | **2.902.056.215** |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

*Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích như sau:

| *Địa điểm* | *Diện tích* | *Đơn giá* |
|---|---|---|
| Số 10 đường Trần Hưng Đạo, phường Minh An, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | 16.340,5 $m^2$ | 95.200 VND/$m^2$/năm |
| Đường Cửa Đại, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | 4.767 $m^2$ | 78.540 VND/$m^2$/năm |
| Đường Âu Cơ, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam | 14.300,6 $m^2$ | 35.420 VND/$m^2$/năm |
| Thôn Hạ Thanh, xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ | 8.246,3 $m^2$ | 5.590 VND/$m^2$/năm |

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 14. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

### *14a. Phải trả ngắn hạn khác*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Kinh phí công đoàn | 119.561.873 | 107.547.170 |
| Thuế thu nhập cá nhân thu hộ | 208.813.544 | 358.727.584 |
| Phải trả trợ cấp BHXH cho CBCNV | | 29.689.860 |
| Ngân hàng chuyển trả do sai thông tin tài khoản | | 738.687.190 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 261.374.588 | 175.832.199 |
| **Cộng** | **589.750.005** | **1.410.484.003** |

### *14b. Phải trả dài hạn khác*

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của lái xe.

## 15. Vay ngắn hạn/dài hạn

### *15a. Vay ngắn hạn*

Số dư vay cuối năm là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 05/2016 - HĐTĐA/NHCT484 - CTY CP DL DV HỘI AN ngày 07/08/2016 để thanh toán các chi phí Dự án đầu tư mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản năm 2016, hạn mức 4,3 tỷ, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| *Vay ngắn hạn ngân hàng* | | | | | |
| Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam | 9.025.417.770 | 16.953.897.672 | | 24.696.238.442 | 1.283.077.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam | | 16.243.789.264 | | 16.243.789.264 | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | 700.000.000 | | 700.000.000 |
| **Cộng** | **9.025.417.770** | **33.197.686.936** | **700.000.000** | **40.940.027.706** | **1.983.077.000** |

### *15b. Vay dài hạn*

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương theo hợp đồng tín dụng số 15/2015-HDTDA/NHCT 484 – Công ty Hội An ngày 05/08/2015, mục đích khoản vay sử dụng cho dự án đầu tư khu du lịch nghỉ mát Tam Thanh – Thành phố Tam Kỳ, hạn mức tín dụng 10.000.000.000 VND, thời hạn vay là 120 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, toàn bộ công trình xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng Tam Thanh (không bao gồm quyền sử dụng đất).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Từ 1 năm trở xuống | 700.000.000 | |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 3.200.000.000 | 1.880.356.800 |
| Trên 5 năm | 3.057.214.311 | |
| **Cộng** | **6.957.214.311** | **1.880.356.800** |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương như sau:

| | |
|---|---|
| Số đầu năm | 1.880.356.800 |
| Số tiền vay phát sinh | 5.226.857.511 |
| Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả | (700.000.000) |
| Số tiền vay đã trả | (150.000.000) |
| **Số cuối năm** | **6.257.214.311** |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

## 16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Tăng do trích lập từ lợi nhuận | Tăng khác | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|---|---|---|---|---|---|
| Quỹ khen thưởng | (36.866.056) | 260.208.930 | | (515.054.466) | (291.711.592) |
| Quỹ phúc lợi | 918.526.499 | 390.313.396 | 31.600.000 | (826.100.317) | 514.339.578 |
| **Cộng** | **881.660.443** | **650.522.326** | **31.600.000** | **1.341.154.783** | **222.627.986** |

**17. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản phân bổ vượt khung 3 năm theo quy định của cơ quan thuế tại thông tư 45/2013/TT-BTC và chi phí công cụ dụng cụ phân bổ vượt 3 năm theo quy định của cơ quan thuế tại thông tư 78/2014/TT-BTC. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay |
|---|---|
| Số đầu năm | |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 699.342.593 |
| Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu | |
| **Số cuối năm** | **699.342.593** |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

**18. Vốn chủ sở hữu**

***18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| Số đầu năm trước | 80.000.000.000 | (630.000) | 18.956.567.069 | 10.605.103.311 | 109.561.040.380 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | 9.452.969.640 | 9.452.969.640 |
| Trích lập các quỹ | | | 2.406.718.381 | (4.633.327.621) | (2.226.609.240) |
| Sử dụng quỹ | | | (1.645.277.381) | | (1.645.277.381) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | | | | (5.879.953.695) | (5.879.953.695) |
| **Số dư cuối năm trước** | **80.000.000.000** | **(630.000)** | **19.718.008.069** | **9.544.791.635** | **109.262.169.704** |
| Số dư đầu năm nay | 80.000.000.000 | (630.000) | 19.718.008.069 | 9.544.791.635 | 109.262.169.704 |
| Lợi nhuận năm nay | | | | 10.613.708.897 | 10.613.708.897 |
| Trích lập các quỹ | | | | (650.522.326) | (650.522.326) |
| Sử dụng quỹ | | | (33.634.641) | | (33.634.641) |
| Chia cổ tức, lợi nhuận | | | | (8.799.930.700) | (8.799.930.700) |
| **Số dư cuối năm nay** | **80.000.000.000** | **(630.000)** | **19.684.373.428** | **10.708.047.506** | **110.391.790.934** |

***18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu***

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 45.202.380.000 | 45.202.380.000 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 34.797.620.000 | 34.797.620.000 |
| **Cộng** | **80.000.000.000** | **80.000.000.000** |

***18c. Cổ phiếu***

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 8.000.000 | 8.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 7.999.937 | 7.999.937 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *7.999.937* | *7.999.937* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | | |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 63 | 63 |
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *63* | *63* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | | |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.999.937 | 7.999.937 |

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| - *Cổ phiếu phổ thông* | *7.999.937* | *7.999.937* |
| - *Cổ phiếu ưu đãi* | | |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

***18d. Phân phối lợi nhuận***

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 31/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2016 như sau:

- Chia cổ tức cho các cổ đông : 8.799.930.700
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi : 650.522.326

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

*Ngoại tệ các loại*

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Dollar Mỹ (USD) | 39.213,18 | 16.256,54 |
| Euro (EUR) | 1.400,00 | 60,00 |
| Dollar Úc (AUD) | 1.545,00 | 550,00 |
| Bảng Anh (£) | 450,00 | 150,00 |
| Yên (JPY) | 1.000,00 | 15.000,00 |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

***1a. Tổng doanh thu***

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Doanh thu dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn | 135.066.491.509 | 122.236.193.620 |
| Doanh thu dịch vụ lữ hành du lịch | 28.218.077.501 | 29.406.735.684 |
| Doanh thu giặt là | 8.659.375.601 | 8.873.358.475 |
| Doanh thu Spa | 2.135.380.490 | 1.964.176.878 |
| Doanh thu khác | 1.091.456.492 | 2.111.672.669 |
| **Cộng** | **175.170.781.593** | **164.592.137.326** |

***1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan***

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Giá vốn dịch vụ Nhà hàng, khách sạn | 100.580.367.043 | 94.116.421.436 |
| Giá vốn dịch vụ lữ hành du lịch | 24.077.024.340 | 25.393.543.674 |
| Giá vốn giặt là | 7.029.735.393 | 7.558.625.538 |
| Giá vốn Spa | 1.756.778.818 | 1.468.798.202 |
| Giá vốn khác | | 142.104.062 |
| **Cộng** | **133.443.905.594** | **128.679.492.912** |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 21.243.839 | 33.885.028 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 50.157.398 | 165.242.051 |

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 6.162.556 | 2.516.614 |
| **Cộng** | **77.563.793** | **201.643.693** |

**4. Chi phí tài chính**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 634.227.044 | 1.190.871.252 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 69.888.010 | 57.228.675 |
| **Cộng** | **704.115.054** | **1.248.099.927** |

**5. Chi phí bán hàng**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí cho nhân viên | 3.082.470.713 | 2.840.126.649 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 579.040.195 | 338.656.156 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.364.953.996 | 2.431.452.306 |
| Các chi phí khác | 198.753.960 | 3.017.704.246 |
| **Cộng** | **10.225.218.864** | **8.627.939.357** |

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí cho nhân viên | 11.285.608.370 | 8.869.074.666 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 568.688.618 | 681.292.273 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 495.644.975 | 590.893.235 |
| Phí lệ phí phải nộp nhà nước | 10.500.000 | 9.000.000 |
| Chi phí dự phòng | 7.203.000 | |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.289.448.465 | 4.138.129.296 |
| Các chi phí khác | 1.031.762.568 | 378.154.703 |
| **Cộng** | **17.688.855.996** | **14.666.544.173** |

**7. Thu nhập khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 280.909.090 | 686.499.396 |
| Lãi thanh lý công cụ dụng cụ, hàng hóa | 55.228.748 | 164.638.877 |
| Xử lý công nợ nhỏ lẻ | 3.457.723 | 12.811.485 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 50.620.000 | |
| Các khoản khác | 59.747.390 | 14.177.273 |
| **Cộng** | **449.962.951** | **878.127.031** |

**8. Chi phí khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Xử lý công nợ nhỏ lẻ | 17.148.463 | 9.507.080 |
| Chi phi thuế không được khấu trừ và phạt hành chính | 39.890.367 | |
| Hàng hóa hết hạn sử dụng | 46.317.395 | 50.211.522 |
| Các khoản khác | 94.778.190 | 35.087.224 |
| **Cộng** | **198.134.415** | **94.805.826** |

## 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 699.342.593 | |

## 10. Lãi trên cổ phiếu

### *10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 10.613.708.897 | 9.452.969.640 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | (742.959.623) | (650.522.326) |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát (*) | (537.523.137) | (520.000.000) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | | |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 9.333.226.138 | 8.282.447.314 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 7.999.937 | 7.999.937 |
| **Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu** | **1.167** | **1.035** |

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 tạm tính bằng 7% và thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát 4% trên lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tờ trình số 22/TT-HĐQT ngày 04 tháng 3 năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### *10b. Thông tin khác*

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.099 VND xuống còn 1.035 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

## 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 35.338.774.204 | 22.095.813.378 |
| Chi phí nhân công | 56.152.235.136 | 49.995.157.538 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 16.867.987.009 | 16.697.641.619 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 38.963.529.257 | 28.238.512.415 |
| Chi phí khác | 14.035.454.848 | 34.946.851.492 |
| **Cộng** | **161.357.980.454** | **151.973.976.442** |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

### *1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp | 2.346.660.233 | 2.736.350.034 |

### *1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---|
| Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A | Cổ đông lớn |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán VN Direct | Cổ đông lớn |

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác ngoài Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam. Giao dịch phát sinh trong năm với Văn Phòng Tỉnh ủy Quảng Nam như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---|---|
| Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý khách sạn | | 475.916.364 |
| Cung cấp dịch vụ lưu trú | 637.960.455 | |

Ngoài ra, Công ty huê Nhà khách tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Theo đó thời gian thuê từ năm 2015 đến 2035, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 Công ty Cổ phần Du lịch - Dịch vụ Hội An chưa hạch toán chi phí thuê do có cam kết của đại diện phần vốn của Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Nam không thu chi phí thuê năm 2016 tại Biên bản Đại hội đông cổ đông năm 2016.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2.

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực A: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
- Lĩnh vực B: Kinh doanh dịch vụ lữ hành.
- Lĩnh vực C: Kinh doanh dịch vụ giặt là và dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Năm nay** | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 139.764.104.942 | 28.914.341.209 | 11.886.212.583 | | 180.564.658.734 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | (5.393.877.141) | (5.393.877.141) |
| ***Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*** | ***139.764.104.942*** | ***28.914.341.209*** | ***11.886.212.583*** | ***(5.393.877.141)*** | ***175.170.781.593*** |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 35.534.876.173 | 4.141.053.161 | 3.099.698.372 | (1.048.751.707) | 41.726.875.999 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (27.914.074.860) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 13.812.801.139 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 53.754.279 | 1.090.674 | 22.718.840 | | 77.563.793 |
| Chi phí tài chính | (66.660.075) | | (637.454.979) | | (704.115.054) |
| Thu nhập khác | 102.303.168 | 605.976 | 347.053.807 | | 449.962.951 |
| Chi phí khác | (77.658.330) | (647.415) | (119.828.670) | | (198.134.415) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (2.125.026.924) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | (699.342.593) |
| ***Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*** | | | | | ***10.613.708.897*** |
| ***Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác*** | ***31.498.845.886*** | ***2.736.030.360*** | ***764.401.210*** | | ***34.999.277.456*** |
| ***Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn*** | ***26.412.404.045*** | ***2.106.304.252*** | ***1.740.614.730*** | | ***30.259.323.027*** |
| **Năm trước** | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 128.420.882.333 | 30.144.094.282 | 10.991.575.676 | | 169.556.552.291 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | | | | (4.964.414.965) | (4.964.414.965) |

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| *Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ* | *128.420.882.333* | *30.144.094.282* | *10.991.575.676* | *(4.964.414.965)* | *164.592.137.326* |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 21.656.711.113 | 4.329.863.831 | 10.849.471.614 | (923.402.144) | 35.912.644.414 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | (23.294.483.530) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | 12.618.160.884 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 152.700.105 | 18.488.848 | 30.454.740 | | 201.643.693 |
| Chi phí tài chính | (56.820.750) | | (1.191.279.177) | | (1.248.099.927) |
| Thu nhập khác | 184.397.770 | 8.041.350 | 715.967.419 | (30.279.508) | 878.127.031 |
| Chi phí khác | (35.755.413) | (39.334.156) | (49.995.765) | 30.279.508 | (94.805.826) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | (2.902.056.215) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | |
| *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp* | | | | | *9.452.969.640* |
| *Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác* | *28.302.702.471* | *2.186.162.454* | *5.552.164.587* | | *36.041.029.512* |
| *Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn* | *29.207.213.302* | *2.267.572.307* | *2.089.266.611* | | *33.564.052.220* |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Số cuối năm** | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 111.910.405.267 | 13.716.512.122 | 13.030.815.018 | | 138.657.732.407 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 8.277.062.413 |
| *Tổng tài sản* | | | | | *146.934.794.820* |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 9.724.296.204 | 1.361.481.243 | 932.190.378 | | 12.017.967.825 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 24.525.036.061 |
| *Tổng nợ phải trả* | | | | | *36.543.003.886* |
| **Số đầu năm** | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 112.899.956.902 | 12.500.769.244 | 9.003.175.314 | | 134.403.901.460 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | 11.243.872.783 |
| *Tổng tài sản* | *112.899.956.902* | *12.500.769.244* | *9.003.175.314* | | *145.647.774.243* |

| | Nhà hàng, khách sạn | Lữ hành | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 10.221.500.356 | 1.256.775.384 | 1.191.561.030 | | 12.669.836.770 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | 23.715.767.769 |
| *Tổng nợ phải trả* | *10.221.500.356* | *1.256.775.384* | *1.191.561.030* | | *36.385.604.539* |

**2b. *Thông tin về khu vực địa lý***

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**3. Thay đổi ước tính kế toán**

Trong năm Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí sửa chữa và chi phí công cụ dụng cụ tại dự án Tam Thanh từ 3 năm lên 5 năm (xem thuyết minh số IV.6). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu quản sử dụng tài sản của Công ty. Nếu thời gian phân bổ trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí phân bổ năm nay tăng 3.496.712.966 VND.

**4. Quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

***4a. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

*Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Số cuối năm** | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.943.360.194 | | | | 5.943.360.194 |
| Phải thu khách hàng | 9.564.164.431 | | | 192.160.340 | 9.756.324.771 |
| Các khoản phải thu khác | 1.506.529.944 | | | | 1.506.529.944 |
| **Cộng** | **17.014.054.569** | | | **192.160.340** | **17.206.214.909** |

| | Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|---|---|---|---|
| **Số đầu năm** | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.356.723.720 | | | | 3.356.723.720 |
| Phải thu khách hàng | 10.222.760.486 | | | 192.160.340 | 10.414.920.826 |
| Các khoản phải thu khác | 1.431.306.964 | | | | 1.431.306.964 |
| **Cộng** | **15.010.791.170** | | | **192.160.340** | **15.202.951.510** |

*4b. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|---|---|---|---|---|
| **Số cuối năm** | | | | |
| Vay và nợ | 1.983.077.000 | 6.257.214.311 | | 8.240.291.311 |
| Phải trả người bán | 10.693.945.450 | | | 10.693.945.450 |
| Các khoản phải trả khác | 269.251.255 | 47.000.000 | | 316.251.255 |
| **Cộng** | **12.946.273.705** | **6.304.214.311** | | **19.250.488.016** |
| **Số đầu năm** | | | | |
| Vay và nợ | 9.025.417.770 | 1.880.356.800 | | 10.905.774.570 |
| Phải trả người bán | 6.123.949.614 | | | 6.123.949.614 |
| Các khoản phải trả khác | 944.870.858 | 52.000.000 | | 996.870.858 |
| **Cộng** | **16.094.238.242** | **1.932.356.800** | | **18.026.595.042** |

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

*4c. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên

việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

*Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty thu phí dịch vụ khách sạn với đối tượng khách nước ngoài với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách thực hiện thu đổi ngoại tệ ngay tại lễ tân, quy định định mức tồn quỹ ngoại tệ tại lễ tân và quỹ tại các chi nhánh.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Tiền và các khoản tương đương tiền | |
|---|---|---|
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| USD | 39.213,18 | 16.256,54 |
| EUR | 1.400,00 | 60,00 |
| AUD | 1.545,00 | 550,00 |
| £ | 450,00 | 150,00 |
| JPY | 1.000,00 | 15.000,00 |

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là là 8.240.291.311 VND (số đầu năm là 10.905.774.570 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 31.729.232 VND (năm trước giảm/tăng 140.796.517 VND).

*Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

***4d. Tài sản đảm bảo***

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

***Tài sản tài chính***

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|---|---|---|---|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.943.360.194 | | 3.356.723.720 | |
| Phải thu khách hàng | 9.756.324.771 | (192.160.340) | 10.414.920.826 | (184.957.340) |
| Các khoản phải thu khác | 1.506.529.944 | | 1.431.306.964 | |
| **Cộng** | **17.206.214.909** | **(192.160.340)** | **15.202.951.510** | **(184.957.340)** |

***Nợ phải trả tài chính***

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|---|---|
| Vay và nợ | 8.240.291.311 | 10.905.774.570 |
| Phải trả người bán | 10.693.945.450 | 6.123.949.614 |
| Các khoản phải trả khác | 316.251.255 | 996.870.858 |
| **Cộng** | **19.250.488.016** | **18.026.595.042** |

***Giá trị hợp lý***

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

**6. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Hội An, ngày 24 tháng 02 năm 2017

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| Nguyễn Thị Thu Quanh | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Lê Tiến Dũng |

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HỘI AN

*CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT*

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH HỘI AN

**Lê Tiến Dũng**